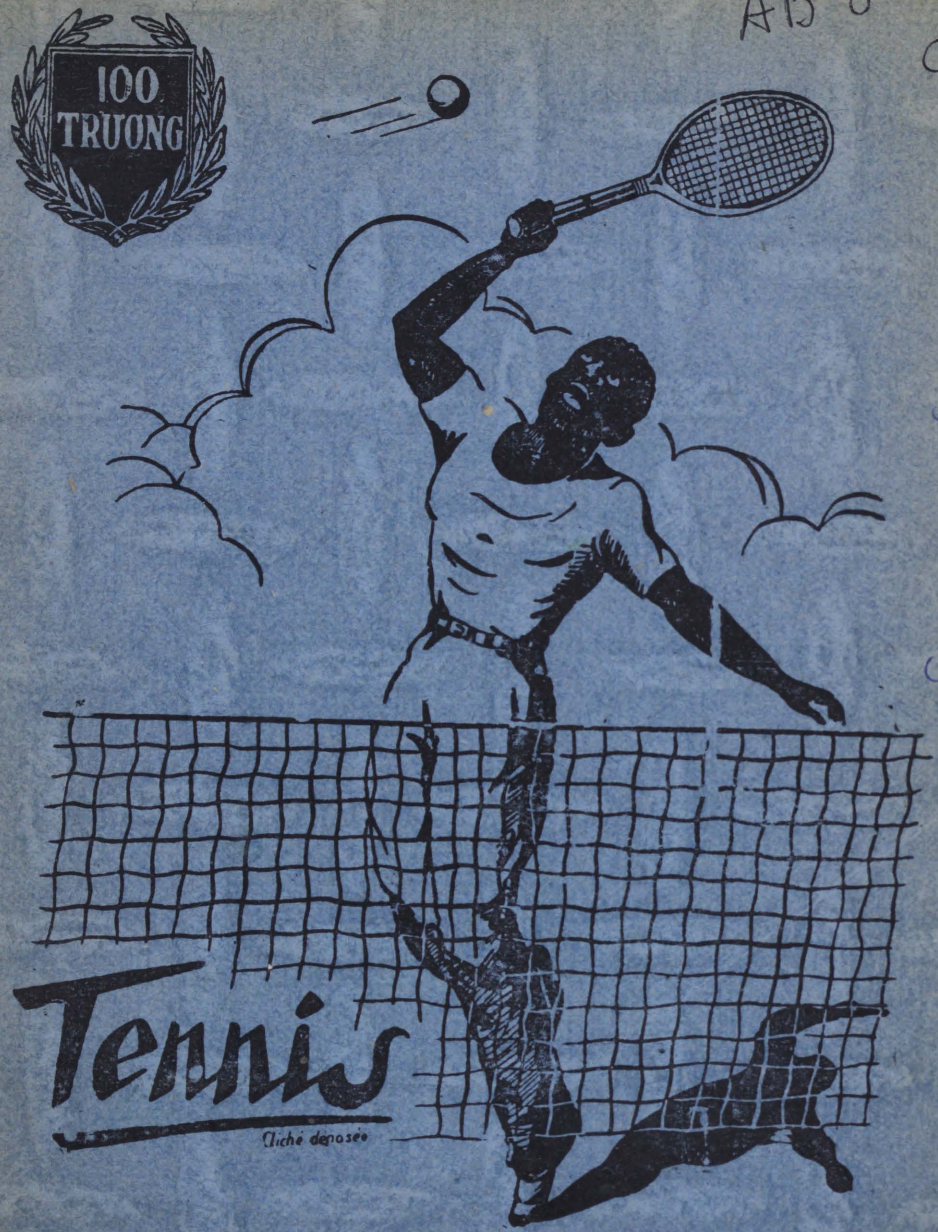
N5/2
AB83



碧溝奇遇

征婦吟

長恨歌演音

碧溝奇遇

Bích-cau kỳ ngộ.

AB. 83

嗣德二拾陸年歲在
Tự-đức nhị thập lục niên, tuế tại
癸酉仲夏吉日.
Quí-dậu trọng hạ cát nhật.

錦文堂藏板.
Cẩm-văn-đường tàng bản.

Quán Ven Đường mượn từ thư viện Đại Học Yale

fo 1° col 1.

余 森 南 沒 字 情
Mấy trăm năm một chữ tình

鄙 奎 埃 几 律 鑠 化 兒
Dưới giời ai kẻ lọt vành hoá nhi.

机 緣 瞞 吏 麽 推.
Cơ duyên ngắm lại mà suy.

4 — 奎 南 希 固 賒 之 墝 西.
Giời nam nào có xa gì cõi tây.

想 軸 奇 遇 碧 矜.
Tưởng trong kỳ ngộ xưa nay.

前 箕 劉 阮 後 忌 裴 張.
Trước kia Lưu, Nguyễn sau này Bùi, Trương

箕 埃 迷 戢 臺 陽.
Kia ai mê giấc đài dương.

8 — 霾 湄 羅 傳 荒 唐 固 兜.
Mây mưa là truyện hoang đường có đâu.

城 西 固 景 碧 滿.
Thành tây có cảnh Bích-câu.

鞋 花 給 吏 沒 鼢 生 牢.
Cỏ hoa gọi lại một bầu xinh sao.

擡 擅 秋 菊 春 桃.
Đua chen thu cúc xuân đào.

12 — 榴 噴 炤 夏 梅 嘲 邊 東.
Lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông.

撑 撑 圮 柳 岸 橋.
Xanh xanh dây liễu ngàn thông.

鞑 蘭 塢 牧 蓼 封 蹏 樵.
Cỏ lan lối mục rêu phong giấu tiều.

沒 墫 嫩 渃 夐 黛.
Một vũng non nước quanh khúc.

16 — 拂 披 邊 竹 秩 糶 湄 花.
Phất phơ gió trúc giật giờ mùa hoa.

f° 2° col 1. 朝 祭 當 會 太 和.
Triều Lê đương hội Thái hoà.

固 陳 公 子 銘 器 秀 淵.
Cố Trần công tử tên là Tú-Uyên.

福 饍 恠 陰 椿 萱
Phúc lành nhờ ấm Xuân, Huyên.

20 — 揚 衝 才 貌 兼 全 劍 埃
So trong tài mạo kiêm toàn kém ai.

聰 明 産 固 資 奎
Thông minh sẵn có tư giời.

群 欺 童 幼 賣 慍 劑 程.
Cơn khi đông ấu mải vui của Trình,

睬 貼 風 景 有 情
Trải xem phong cảnh hữu tình.

24 林 泉 彼 吝 市 城 麻 於
Lâm tuyền vừa lấn thị thành mà ưa.

連 堀 扵 沒 楼 詩.
Trên gò giữm một lâu thơ.

荤 鞋 抿 壁 竹 踈 撿 簾.
Lau giá chắn vách trúc thưa dử rèm.

乘 盧 珀 虵 歌 鴿.
Chứa lư phách bườm ca chim;

28- 半 窗 烟 册 畢 壩 慮 腔.
Nửa song đèn sách bốn thêm gió giăng.

貯 鍾 流 拵 兜 平.
Chứa chung lưu loál đâu bằng;

渚 庫 鐄 菊 攢 層 錢 蓮.
Chứa kho vàng cúc chất tầng tiền liên.

泣 撈 軸 墜 已 斬.
Khắp so trong cỏi ba ngăn.

32- 烟 霞 稍 半 林 泉 鍾 堆.
Yên hà riêng nửa lâm tuyền chung đôi.

f°2 B. col 1 趣 慆 畢 伴 添 慆.
Chú vui bốn bạn thêm vui.

泣 軸 波 聖 覩 外 棱 騷.
Khắp trong bể thánh dử ngoài rừng tao.

梭 遂 暝 腩 霜 霹.
Thoi đưa ngày tháng sương sao.

36- 梧 桐 芳 蘿 吏 桃 搓 花.
Ngô đồng nảy lá lại đào bông hoa.

奄 嶽 逐 膊 槐 斜.
Giới hôm giục bóng giàu tà.

萱 耹 慟 雪 椿 耹 碍 霜
Huyên già tủi tuyết, xuân già ngại sương.

惱 歎 台 沒 桑 滄.
Não người thay nỗi tang thương.

40- 聽 晓 漂 皇 岦 塘 嫩 撑.
Chông theo mây tháng ngất tường non xanh.

酵 胖 堆 挺 深 情.
Vai còn đội gánh thâm tình.

歎 顏 色 泛 硃 生 胖 之.
Bầu Nhan đã sạch sành sanh còn gì.

余 番 夏 細 秋 衛
Mấy phen hạ tới thu về,

44- 律 萌 熾 燈 礙 堷 雪 磋.
Lọt mành nắng chõ quanh hè tuyết xây.

朝 奄 冷 汽 唏 枚.
Chiều giới lạnh ngất hơi may.

梅 残 髏 遶 柳 瘨 碌 霜.
Mai tàn trước gió liễu gầy sau sương.

盧 踈 救 厦 草 堂.
Lò thơ nửa mái thảo đường.

48- 潘 茅 曰? 遶 砜 墻 根 湄.
Phên gianh nhạt gió vôi tường ngăn mưa.

f°3ª. col 1.

風 光 遐 恪 嘱 碧.
Phong quang lạ khác giấu xưa.

泓 因 蓮 癱 栖 踈 竹 根.
Ao tù sen cộ giậu thưa trúc căn.

生 自 跋 跐 艱 屯.
Sinh tự gặp bước gian chuân.

52- 榮 枯 噲 噎 味 塵 悄 制
Vinh khô gọi nếm mùi trần chút chơi.

窮 通 咄 默 固 否.
Cùng thông dư mặc có giời.

淚 寅 被 苦 刊 滿 脉 愁.
Khơi gián bẽ khổ san với mạch sầu.

餒 餓奴 粗 鬻 渚 瓢.
Đói no cơm giờ nước bầu.

56- 仍 坊 燕 雀 別 兜 志 鴻
Những phường yến tước biết đâu chí hồng.

誓 碧 迤 碟 貝 憃
Thề xưa đã nặng với lòng.

撸 宰 皇 女 桑 蓬 貝 傀
Giữ sao trăng nỡ tang bồng với thời.

泓 硯 架 筆 囲 慍
Ao nghiên giá bút vây vui.

60- 西 湖 仙 跡 余 尼 品 評
Tây-hồ, Tiên-tích mấy nơi phẩm bình.

詩 豪 趣 嘯 鳳 城.
Thi hào dậy tiếng phượng thành.

色 排 李 杜 嘔 名 孫 曹.
Vào bầy Lý, Đỗ, nức danh Tôn, Tào.

攢 迎 朕 襍 風 騷.
Giải nghiêng giăng tuí phong tao.

64 — 渚 嫩 漂 邊 質 色 群 滿.
Nước, non, mây, gió chất vào còn vơi.

f° 3B. col 1. 珠 揑 字 錦 統 唑.
Châu kèn chữ, gấm thêu nhởi.

鑲 招 嘯 坦 鶴 澗 膊 船.
Vàng gieo tiếng đất hạc khỏi bóng thuyền.

𠊛 歌 軸 策 羅 緣.
Đã người trong sách là duyên.

68 — 余 秋 曷 玉 藍 田 渚 攢.
Mấy thu hạt ngọc lam-điền chứa giâm.

朗 盧 隻 蘿 溫 壬.
Lửng lơ chiếc lái doanh Nhâm.

襟 船 徐 吝 掯 琴 待 朕.
Cắm thuyền chờ lẫn ôm cầm đợi giăng.

玉 壺 固 盍 鸇 僧.
Ngọc-hồ có đám chay tăng.

72. 嘔 呶 景 伏 徽 陵 會 春.
Nức nô cảnh phật trùng lũng hội xuân.

習 詔 才 子 佳 人.
Rập diu tài tử, giai nhân.

滾 昂 馬 跡 車 塵 少 埃.
Ngổn ngang mã tích, xa trần thiếu ai.

賞 春 生 拱 蹬 制.
Thưởng xuân sinh cũng giạo chới.

76- 詩 膧 膧 襶 醞 滿 滿 歡.
Thơ lủng lủng túi nượu với với bầu.

慨 睞 睖 棱 梵 趣 牟.
Mải xem nưng phạm thú mầu.

彙 金 烏 兎 擱 頭 嫩 西.
Vầng kim- ô đã gác đầu non tây.

席 催 埃 乃 拱 術
Tiệc thôi ai nấy cũng về.

80- 邋 朝 抹 膊 花 梨 夜 夜.
Gió chiều lay bóng hoa lê đà đà.

f°4ª col 1 边 橋 蹟 僂 南五 巳.
Bên cầu chen lũ năm ba.

神 仙 鼾 眛 埃 畏 几 咍.
Chẳn tiên trước mặt ai là kẻ hay.

生 皮 掊 柳 娘 核.
Sinh vừa tựa liễu nường cây.

84- 蓼 紅 兜 俸 喡 戇 吏 則.
Lá hồng đâu bỗng thôi bay lại gần.

相 瞶 買 燄 寅 寅
Mất coi mới tỏ giãn giãn.

余 洞 穿 曰 巴 韻 單 勾
Mấy dòng chữ viết ba vần bốn câu.

88 — 意 埃 且 蘿 溫 溝 撟 歌
Ý ai thả lá đoành câu gẹo người,

忙 算 和 吏 余 唼
Rắp toan hoạ lại mấy nhời.

92 — 憂 香 兜 毛 聽 唏 爐 雉
Gió hương đâu đã bay hới nồng nàn.

覽 得 韜 閘 三 關
Thấy người trước cửa tam quan.

96 — 號 數 點 巴 點 猥 媛 眼 如
Theo sau ba bảy con hoàn nhỏn nhơ.

遝 遘 猥 眛 得 詩
Lạ lùng con mắt người thơ.

花 群 封 蓋 膝 皮 鯩 羿
Hoa còn phong nhị giăng vừa tròn gương.

遶 遶 釧 玉 釵 鐄
Rỏn rỏn xuyến ngọc, thoa vàng.

裙 霓 他 切 溇 湘 靈 遼
Quần nghê tha thuốt sóng tương giám già.

f° 4. col 1.

咲 朝 煌 玉 蘭 花.
Mỉa chiêu nết ngọc lan hoa.

魡 況 麵 渃 鷹 沙 艘 尽.
Cá chim mặt nước nhạn sa lưng giời.

貯 眄 鉄 麵 涂 鮮.
Gần xem về mặt thêm tươi.

100- 味 香 倘 倘 贊 淶 巴 彩.
Mùi hương thoang thoảng thơm rồi ít nhiều.

瀾 秋 淜 汤 逐 跣.
Lan thu lóng lánh đưa theo.

恼 歌 喃 惱 閉 饒 拱 情.
Não người dấu chứt bây lâu cũng tình.

本 搓 丐 病 張 生.
Vốn mang cái bệnh Trương-Sinh.

104- 跼 歌 迎 渃 迎 城 別 牢.
Gặp người nghiêng nước nghiêng thành biết sao.

逐 情 沒 瞟 淜 桃.
Đưa tình một liếc sóng đào.

喃 恚 瑟 矽 拱 漂 路 歌.
Dấu lòng sắt đá cũng xiêu loạ người.

姻 緣 亦 極 羅 尽.
Nhân duyên rứ chẳng lạ giời.

108- 徐 郎 渚 易 落 為 嫩 仙.
Từ-Lang chửa nên lạc với non tiên.

咱 麵 還 奄 慧 悄。
Dù mặt lạ đã lòng quen,

奇 料 到 榕 鞦 韆 嚇 娘.
Cả liều đến gốc thu thiên ướm nàng.

過 慍 戒 卒 嗷 床.
Quá vui nên trót sỗ sàng.

112 — 恕 情 朱 矯 彼 彎 貝 花.
Thứ tình cho kẻo bẽ bàng với hoa,

f° 5° col 1. 客 浪 觔 會 無 遽.
Khách rằng trong hội vô già.

閘 空 岸 覺 帝 罘 慈 悲。
Cửa không ngạn giác đấy là từ bi,

遾 鵬 仍 傳 是 非.
Gió bay những truyện thị phi,

116 — 悴 忙 催 周 責 之 旦 埃.
Trót nhầm thôi có trách gì đến ai,

噇 嬌 聧 律 包 聰.
Gióng kiệu nghe lọt vào tai.

奄 賦 波 色 坤 為 涛 情.
Dẫ gắn bẽ sắc khôn với sóng tình.

踈 浪 忸 分 書 生.
Chửa rằng chút phận thư sinh.

120 炟 慈 燸 旦 屾 誠 貝 覓.
Đến từ sơi đến tấm thành với nao.

祇 園 女 狹 回 牢
Kì viên nữ hẹp hoi sao,

翔 唐 方 便 恼 帝 特 庄
Mỏ đường phương tiện chỉ nào được chăng.

浪 低 術 道 金 繩
Rằng đây vẹ đạo kim thằng.

124 - 甩 花 牢 窖 吶 能 仍 唸
Phong hoa sao khéo nói năng nhưng nhời.

波 慈 固 狹 之 埃
Bến từ có hẹp chi ai.

篤 挽 船 覺 度 得 波 迷
Giốc đem thuyền giác độ được bến mê.

嗼 朱 边 檜 菩 提
Ngán cho bên cõi bồ đề.

128 - 沛 塘 蝓 蚿 彭 術 帝 牢
Phải đường ong bướm đi về đây sao,

fo 5B col 1. 朵 花 産 樂 鐄 撩
Đoá hoa sẵn nhạc vàng treo.

啃 鶯 之 底 牢 嗥 連 梗
Tiếng oanh chi để lao xao trên ngành.

朗 暄 律 歇 鍾 情
Lảng nghe lọt hết chung tình.

132 悉 貪 徜 奇 边 膾 美 人
Lòng tham quanh cả bên mình mỹ nhân.

浪 低 忙 竊 迷 津.
Rằng đây nhẫm xuống mê tân.

前 緣 吓 底 今 旦 修 填.
Tiền duyên xin để kim thân tu tiên.

巴 生 朱 院 迸 願.
Ba sinh cho vẹn mười nguyện.

136 - 恠 扱 金 相 遂 緣 赤 繩.
Nhớ tay kim tướng đưa duyên đích thằng.

梳 靈 摟 法 高 僧.
Gậy linh mượn phép cao tăng.

破 城 愁 苦 朱 平 仝 甘.
Phá thành sầu khổ cho bằng mấy cam.

140 - 栖 霜 待 客 枕 藍.
Chầy sương đợi khách cầu lam.

品 仙 枚 煖 扱 凡 別 兜.
Phẩm tiên may bén tay phàm biết đâu.

諾 蘸 油 周 緣 儳.
Nước bẻo dù có duyên sau.

边 滝 此 北 揲 枕 自 低.
Bên sông thử bác dịp cầu tự đây.

歟 群 噉 慧 喋 靈.
Người còn ướm gió cột mây.

144 - 蹏 仙 客 奄 踢 踏 心 清.
Gót tiên khách đã giờ giầy lâm thinh.

fo 6a col 1.

瞻 跧 旦 廣 文 亭
Ghé theo đến Quảng-văn-đình.

膊 膀 竜望 𠊛 蓮 梗 拂 披.
Bóng giăng trông đã trên cành phất phơ.

摟 得 探 嗨 則 賒.
Muộn người thăm hỏi gần xa.

148- 紅 樓 紫 閣 兜 麻 旦 低.
Hồng lâu, tử các đâu mà đến đây.

吟 畧 館 渚 廊 霧.
Hay là quán nước làng mây.

慮 春 退 𡗶 淮 凡 帝 牢.
Gió xuân thổi xuống chốn nầy đấy sao.

敢 吁 擋 塢 朱 覓.
Giám xin hỏ lối cho nao.

152- 細 嫩 玉 易 埃 芾 術 阿.
Tối non Ngọc-dịch ai nào về a.

恩 恙 恩 柳 探 花.
Ơn lòng nhắn liễu thăm hoa.

別 兜 色 色 沔 羅 空 空.
Biệt đâu sắc sắc vẫn là không không.

吶 催 吝 膀 岸 橋.
Nói thôi lần bóng ngàn thông.

156- 香 況 胖 倘 翹 鴻 𠊛 澗.
Hương thắm cõi thoảng cánh hồng đã khơi.

翹 鳶 憂 捲 淩 空.
Cánh loan gió quấn lứng giới,

仙 術 洞 碧 情 淶 墜 塵.
Tiên vê động bích tình rói cõi trần.

渭 鼕 南五 式 靄 運.
Vội trông nàm thức mây vần.

160 - 瑰 渚 旦 淮 嫩 神 免 迷.
Hồn chửa đến chốn non thần đà nê.

f° 6. B col 1. 吝 膝 魚 良 黜 術.
Lận giăng ngơ ngẩn ra vê,

灺 橋 挑 泮 戢 槐 渚 穢
Đèn thông khêu cạn giấc hoè chửa nên.

沒 娘 更 更 吊 悄.
Nỗi nàng canh cạnh nào quên.

164 - 沟 群 扈光 躇 得 仙 窖 羅.
Vẫn con quanh quẩn người tiên khéo là.

蚊 冀 紅王 祕 愁 花.
Buồn kia vường lấy sầu hoa.

段 相 思 仄 扚 麻 愴 惺.
Đoạn tường tơ ấy nghĩ mà buồn tênh.

周 欺 掀 曲 彈 箏.
Có khi gẩy khúc đàn tranh.

168 - 渚 嫩 嗷 嗆 黜 情 怀 人.
Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân.

求 凰 捾 招 𢆥 韻.
Cầu hoàng tay lửa nên vần.

相 如 悉 意 文 君 悉 㦬.
Tương - như lòng ấy, Văn - Quân lòng não.

固 欺 摸 囀 囫 桃.
Có khi mượn chén rượu đào.

172 - 席 璩 渚 泩 玉 鮫 奄 渚.
Tiệc mời chửa cạn ngọc giao đã đầy.

唏 綿 渚 吠 麻 醓.
Hỏi men chửa nhắp mà say.

如 衝 味 牧 吏 醓 噇 情.
Như xông mùi nhớ lại say giọng tình.

固 欺 蚪 卒 南 更.
Có khi ngồi suốt năm canh,

176 - 棋 鶻 點 月 鐘 鯨 碾 霜.
Mỏ quyên điểm nguyệt, chuông kình nện sương.

fo 7c col 1. 喂 聰 仍 啾 斷 腸.
Ôi tai những tiếng đoạn trường.

炤 情 易 泩 淇 湘 坤 寒.
Lửa tình rẽ người sông tương khôn hàn.

固 脽 暫 膀 黯 殘.
Có đêm ngắn bóng sao tàn.

180 - 啾 鶻 嗯 點 陣 鴈 鞦 暑.
Tiếng quyên hỏi sớm trận nhạn bay khuya.

滾 昂 景 怒 情 箕 .
Ngồn ngang cảnh nọ tình kia .

沒 賴 賴 別 寫 提 貝 埃 .
Nỗi riêng riêng biết tả để với ai ,

慟 春 鍾 奇 沒 至 .
Vui xuân chung cả một giới .

184 - 愁 春 賴 礙 沒 得 相 思 .
Sầu xuân riêng nặng một người tương tư .

悤 腰 抪 寫 戚 詩 .
Lòng yêu tay tả nên thơ .

牖 情 封 貝 牖 詞 逐 跣 .
Mảnh tình phong với mảnh tờ đưa theo .

奈 姮 亩 礙 悤 腰 .
Ơ hằng nỉ nặng lòng yêu .

188 - 技 遼 翩 塌 星 軺 貝 党 .
Rẽ mây nơ lối tinh thiều với nao ,

嗨 朱 夾 麵 花 桃 .
Hỏi cho giáp mặt hoa đào

園 春 拯 鑩 根 樑 買 油 .
Vườn xuân chẳng nhẽ ngăn nào mai du ,

同 窗 囿 孩 底 何 .
Đồng song có gã họ Hà ,

192 - 睹 情 貝 嗨 憐 罢 蹟 頭 .
Xem tình với hỏi lân la gót đầu .

fo 7. B. col 1

故 牢 卓 祕 緦 愁.
Cố sao nước lấy mối sầu.

餂 常 嗷 嗜 如 牟 忸 埃.
Bữa thường ngao ngán như mấy nhớ ai,

數 矜 永 鎩 書 齋.
Lâu nay vắng vẻ thư trai.

紑 霜 聸 电 劒 緋 罩 分.
Vóc sương nghe đã kém vài bốn phân.

源 干 吽 貝 故 人.
Nguồn còn ngỏ với cố nhân.

禍 枚 仕 拖 特 垠 帝 庄.
Họa nay sẽ đỡ được ngăn nào chẳng.

調 兜 寞 窖 如 浪.
Điều đâu thực khéo như ràng.

呐 包 合 意 坤 抹 憃 歌.
Nói vào hợp ý khôn bằng lòng người.

双 麝 情 極 禎 埃.
Song mà tình chẳng riêng ai.

病 相 思 固 硬 味 貝 台.
Bệnh tương tư có trải mùi mới hay.

歌 愚 僘 聖 碧 矜.
Người ngu, dặng thánh xưa nay.

情 鍾 極 於 僂 尼 台 牢.
Tình chung chẳng ở sau nay hay sao.

196-

200-

204

吶 咄 聽 拱 世 芾
Nói dù nghe cũng thế nào :

嘮朗 咄 聽 拱 覓 覓 拯 停
Lặng dù nghe cũng nao nao chẳng đành.

病 根 坤 躔 吋 窺.
Bệnh căn khôn nhẽ giờ quanh.

208 - 拎 稱 買 計 丁 寧 每 調.
Cầm tay nói kẻ đinh ninh mọi bề.

fo 8.a col 2. 吶 包 饒 想 閉 饒
Nói bao nhiêu tưởng bấy nhiêu.

嚇 朱 色 玉 咍 漂 悉 鐮.
Ghê cho sắc ngọc hay xiêu lòng vàng.

仍 羅 惜 粉 離 香.
Nhưng la tiếc phấn say hương.

212 - 緘 紆 絲 蛔 麻 糸王 絲 蚕.
Nên vo tơ nhện mà vương tơ tằm.

愁 羔 波 刻 如 辭.
Sầu dường bể khắc như năm.

昌 梅 貂 特 余 森 麻 瘨.
Xưởng mai chịu dược mấy lăm ma gầy.

斬 碧 埃 拱 勞 凡
Nghìn xưa ai cũng thế này.

216 - 揵 愁 刊 仕 埃 治 埃 滿.
Gánh sầu san sẻ ai đầy ai vơi.

還 朱 巧 蘇 香 至.
Lạ cho cái giống hương giới.

別 離 別 眼 別 哉 恏 悄.
Biệt nàm biệt thuở biệt đời nào quên.

何 暄 吶 竭 源 千.
Hỡi nghe nói hết nguồn còn.

220 - 扔 貼 事 意 果 然 浪 奇.
Nghĩ xem sự ấy quả nhiên rằng kỳ.

挫 神 女 拱 仙 妃.
Chẳng thần nữ cũng tiên phi.

緣 初 群 固 出 之 哈 空.
Duyên xưa còn có chút gì hay không.

蘿 紅 哭出 綿 織 紅.
Lá hồng ra mối chỉ hồng.

224 - 渚 獱 箕 拱 相 逢 固 番.
Nước beo kia cũng tương phùng có phen.

f° 8 B. col 1. 玉 壺 暄 固 花 仙.
Ngọc hồ nghe có hoa tiên.

聖 宗 眼 𡗶 戈 汚 意 制.
Thánh tôn thuở trước qua miễn ấy chớ.

樓 鐘 俸 跋 沒 獱.
Lầu chuông bổng gặp một người.

228 - 吟 勾 神 偈 咏 排 國 音.
Ngâm câu thần kệ vịnh bài quốc âm.

御 嗔 繡 口 錦 心.
Ngự khen tú khẩu cẩm tâm.

嗊 賴 為 色 腰 愧 為 詩.
Dẫu riêng vì sắc yêu thẹn vì thơ.

遑 徜 忙 咋 邊 絲.
Ruỗc về rập gạn tóc tơ.

232 - 蹟 仙 脫 迤 刻 徐 群 兜.
Gót tiên thoát đà khắc giờ còn đâu.

迸 森 斛 怒 潴 數.
Mười lăm năm nọ chứa lâu.

群 遺 跡 妬 羅 樓 望 仙.
Còn di tích đó la lâu vọng - tiên.

還 聰 暄 仍 拯 信.
Lạ tai nghe những chẳng tin.

236 - 此 朱 曉 覽 眼 前 麻 憎.
Chữ cho coi thấy nhỡn tiền mà ghê.

認 峯 軸 蘿 詩 題.
Nhận ra trong lá thơ đề.

筆 仙 之 底 點 迷 憑 凡.
Bút tiên chi để điểm mê lòng phàm.

仍 罕 燕 北 鴈 南.
Những là yến bắc, nhạn nam,

240 - 翹 花 楣 沽 易 心 宇 低.
Cánh hoa mặt nước rẽ lầm sao đây.

fo 9.a col 1.

雖 浪 隔 阻 東 西.
Tuy rằng cách trở đông tây.

唔 賒 賒 丕 拱 暗 則 尼.
Dầu xa xa vậy cũng ngày gần đây.

閣 藤 隔 伞 默 淵.
Các đằng cách mấy dặm khơi.

姻 緣 停 𠊛 憂 差 嗹 邊. 244
Nhân duyên đành đã gió giữi thổi đưa.

何 浪 香 焰 緣 恢.
Hà rằng hương lửa duyên ưa.

固 欺 情 爵 胖 徐 會 隊.
Có khi tình trước còn chờ hội sau.

停 浪 奇 遇 難 求.
Đành rằng kỳ ngộ nan cầu.

別 兜 嫩 瀋 溫 淒 麻 尋. 248
Biết đâu non thẳm đành sâu mà tìm.

別 兜 恩 鈔 啟 鴿.
Biết đâu nhắn cá gửi chim.

撇 膝 底 渚 摸 金 融 溫.
Mới giăng đáy nước mò kim trong doành.

別 兜 何 素 娘 瓊.
Biết đâu ả - Tố, nàng - Quỳnh.

役 之 忸 窟 愁 觥 害 羅. 252
Việc gì nhỏ quản sầu quanh khéo lá.

卓 之 祕 女 毛 花.
Rước chi lấy nợ phong hoa.

綿 絲 付 默 腹 裱 沛 覓.
Mối lo phó mặc giang già phải nao

春 郎 春 𠊛 裱 帝.
Xuân sang xuân đã già nào?

256 - 徐 黏 梅 芳 時 桃 挫 數.
Chờ sau mai nấy thì đào chẳng lâu.

fo 9B. col 1 扔 羽 慤 扔 初 樓.
Vắt tay ngẫm nghĩ xưa sau.

如 埃 拮 罕 挭 愁 倘 空.
Như ai cất hẳn gánh sầu thoảng không.

吶 嘆 鮮 晉 從 容.
Nói cười tươi tắn thong dong.

260 - 拸 悬 風 月 黜 悬 雲 天.
Đời lòng phong nguyệt ra lòng vân thiên.

催 瞶 客 吏 徐 牲.
Thôi ngóng khách lại chờ tên.

書 鴈 暑 難 襘 鴛 腌 踐.
Thư nhàn ngày vắn gối uyên đêm dài.

氷 傾 沒 綿 遠 悵.
Băng khuâng một mối viễn hoài.

264 - 欺 斡 墡 雪 欺 外 垒 西.
Khi trong sân tuyết khi ngoài giới tây.

f° 10ª, col 1.

曈	常	瞰	景	庵	纛.		
Ngày	thường	ngâm	cảnh	am	mây.		
㖞	愴	吹	奇	鞊	栲	拱	愴.
Người	buồn	xui	cả	cỏ	cây	cũng	buồn.
	群	垂	群	淈	群	嶽.	
	Còn	giới	còn	nước	còn	non.	
纛	撑	淈	碧	洶	群	如	初. 268
Mây	xanh	nước	biếc	vẫn	còn	như	xưa.
	花	桃	群	妬	知	知.	
	Hoa	đào	còn	đó	tri	tri.	
麻	得	斡	外	悲	徐	羅	兜.
Má	người	năm	ngoái	bây	giờ	lã	đâu.
	㬎	又	慮	拂	苫	葦.	
	Hiểu	hưu	giờ	phải	chơm	lau.	
弦	如	攢	綿	絲	愁	色	添. 272
Cũng	như	giải	mối	tơ	sầu	vào	thêm.
	懲	兜	忮	傳	卜	籤.	
	Sịch	đâu	nhỏ	truyện	bốc	tiêm.	
細	擬	白	馬	燔	念	求	緣.
Cới	đến	Bạch	mã	giải	niệm	cầu	duyên.
	嗯	耒	墨	艙	西	軒.	
	Khản	rồi	ra	góc	tây	hiên.	
爆	香	燸	竈	兗	烟	孰	蘇. 276
Nén	hương	tắt	đỏ	ngọn	đến	nhỏ	to.

膨 膀 被 熾 梗 梧。
Bóng giăng vừa xé cành ngô.

戢 槐 妙 妙 禛 衝 奄 奄。
Giấc hoè diu dịu chăn cũ êm êm.

覭 得 高 幎 轎 粘。
Chấy người cao mũ rộng xiêm.

280— 秈 拎 鐵 鎊榜 莊 嚴 恪 滿。
Cay cầm thiết bảng trang nghiêm khác với.

爵 墠 啷 喪 吋 唼。
Cuốc sân sang sảng giậy nhởi.

浪 枚 劇 待 些 外 滝 蘇。
Rằng mai Sóm đợi ta ngoài sông Tô.

跲 畏 嚂 燕 哏 啊。
Loạ là oanh, yến hẹn hò.

284— 梂 柬 産 塙 梂 烏 妬 麻。
Câu- dông sẵn lối cầu ô đó mà.

倍 愣 秩 醒 戢 花。
Vội nưng chợt tỉnh giấc hoa.

星 被 滌 滌 忝 被 矢 矢。
Sao vừa nhạt nhạt giới vừa hiu hiu,

慸 腰 沛 跐 頭 跣。
Lòng yêu phải bước chân theo.

288— 侵 侵 黜 妬 永 羊 覭 之。
Xâm xâm na đó vắng teo thấy gì.

f°10. B col 1.

	渃	冲	汐	黠	撑	黃	
	Nuớc	trong	vắl	cỏ	xanh	dì.	
	石	橋	覩	妬	佳	期	吊	兜
	Thạch	kiều	thấy	đó	giai	kỳ	nào	đâu
		竷望	眄喎	免	悻	徐	數久	
		Trông	ngong	đã	suốt	chờ	lâu.	
292.	挹	棧	貿	世	黜出	牟	拱	圭
	Ấy	cây	mãi	thế	ra	mầu	cũng	quế.
		懶戰	朝	踈	矧	黜出	術	
		Chán	chiều	thơ	thẩn	ra	về	
	眄占	情	拱	醒	拱	迷	嗳	嗅
	Xem	tình	giờ	tỉnh	giờ	mê	mực	cuộc
		俸	枚	吏	昅	沒	得	
		Bổng	may	lại	gặp	một	người.	
296-	釆	拦	愩	鍾	蹭	蹺	塘	花
	Cay	mang	tranh	về	gót	rời	đường	hoa,
		連	釆	吁	領	眄占	戈	
		Liền	tay	xin	lãnh	xem	qua.	
	傳	神	沒	像	素	娥	伶	伶
	Truyền	thần	một	tượng	tố.	nga	danh	danh
		燕	鴦	鎍	淡	牟	清	
		Yến,	oanh	vẻ	đạm	mầu	thanh.	
300-	如	得	昅	廣	文	亭	暑	碧
	Như	người	gặp	Quảng-	văn-	đình	ngày	xưa.

弦 聰 湟 筆 弦 愉.
Cāng nhīn nél bút cāng ùa.

扎 王 嗎 莫 包 徐 朱 城.
Chăng Vương dâu mạc bao giờ cho nên.

摸 術 撩 座 書 軒.
Mua vẽ treo chái thư hiên.

304- 如 埃 抏 玉 解 煩 吏 朱.
Như ai dem ngọc giải phiền lại cho.

f° 11ª col 1. 湄 花 拹 翹 窻 糊.
Mùa hoa khép cánh song hồ.

勗 暑 貝 幅 盉 圖 心 堆.
Sớm khuya với bức hoạ đồ lâm đôi.

樧 鍾 沒 粧 添 台二.
Mâm chung một đưa thêm hai.

308- 詩 撩 帶 月 醪 吐进 爆 花.
Cho treo dưới nguyệt, nậu mới trước hoa.

想 則斤 催 吏 扔 賒.
Tưởng gần thôi lại nghĩ xa.

固 庄 形 影 拱 畏 髮 膚.
Có chăng hình ảnh cũng là phải phu.

淹 尽 被 節 迎 秋.
Êm giời vừa tiết sang thu.

312- 岸 霜 攢 泊 蘿 梧 用 鐄.
Ngàn sương chất bạc lá ngô dụng vàng.

朝 秋 如 故 心 傷
Chiêu thu như gửi tâm thương.

憲 帝 曉 竄 滝 湘 瞞 形,
Lòng nào trông xuống sông Tương mờ hình.

棋 边 嗟 咍 排 情
Kẻ bên nàn nỉ bấy tình.

316 - 沒 如 課 爍 沒 舍 暝 碧.
Nỗi nhà thuở trước nỗi mình ngày xưa.

自 番 夾 糢 旦 徐.
Tự phen giáp mặt đến giờ.

仍 畧 式 想 目八 瞞 毛 跡.
Những là thức tưởng, nhắp mơ đà chơn.

意 埃 點 粉 蘇 輪.
Ý ai điểm phấn tô son.

320 - 底 埃 脾 烤 肝 痏 為 埃.
Để ai nuột héo gan mòn vì ai,

fº 11 B. col 1. 蘢 桃 姅 趾 拯 移.
Buồng đào nửa bước chẳng rời.

斬 鎮 掷 特 陣 棋 意 庄.
Nghìn vàng đổi được trận cười ấy chẳng.

劇 吁 掀 鎖 宮 腔.
Dấy xin bẻ khoá cung giàng.

324 - 援 運 鬨 糢 姊 姮 拯 覓.
Vén mây mở mặt chị hằng chịu nao.

秩 瞳 吠法 嚼 咽 桃.
Chột thông mắp niáy nuệng đao.

麵 花 吠漢 唫許 羨 嘲 主 東.
Mặt hoa hớn hở dường chào chuá đông.

朱 咍 情 拱 羅 鐘.
Cho hay tình cũng la chung.

328- 客 仙 拯 易 戈 鋖 愛 恩.
Khách tiên chẳng rễ qua vong ái ân.

沒 欺 黜 役 場 文.
Một khi ra việc trường văn.

迩 術 免 覩 八 珍 產 床.
Giờ về đã thấy bát trân sản sàng.

掬 眄 凥 味 恰 常.
So xem phong vị khác thường.

332- 味 花 嗊 嗳 味 香 吸 嗷.
Mùi hoa sực nức mùi hương ngạt ngào.

炷 尒 產 妬 咍 牢.
Bếp giới sẵn đó hay sao,

眄 兜 覩 還 悉 帑 拯 与.
Xem đâu thấy lạ lòng nào chẳng nghi.

劇 歿 據 眼 黜 趁.
Sớm mai cứ buổi ra đi,

336- 料 澄 幸 返 吏 術 此 睨.
Liệu chừng thót giờ lại về thử coi.

f° 12ª, col 1.

俸 兜 覺 事 還 蒼.
Bổng đâu thấy sự lạ đời.

中 幀 牢 固 膊 歎 色 出.
Trong tranh sao có bóng người vào ra,

然 然 眉 柳 綿 花.
Nhìn nhìn mày liễu mặt hoa.

340- 尼 得 欺 螬 兜 麻 旦 低
Nay người khi trước đâu mà đến đây

娘 當 粧 点 芾 哈.
Nàng đương trang điểm nào hay.

闈 外 仕 戲 翅 靈 跐 色.
Cửa ngoài sẽ hé cánh mây bước vào.

倍 鑌 打 啃 貝余 嘲朝.
Vội vàng đánh tiếng xa chào.

344- 边 慲 边 庚 掣 色 羅 情
Bên mừng, bên lẻ xiết bao là tình.

浪 閉 數 沒 字 情.
Rằng bấy lâu một chữ tình.

趿 低 吁 吽 姓 名 朱 詳.
Gặp đây xin ngỏ tính danh cho tường.

娘 浪 蒲 柳 分 常.
Nàng rằng bồ liễu phận thường.

348- 為 搓 膦 粉 戚 紅 絲 桃.
Vì mang mà phấn nên vướng tơ đào.

本 初 妾 客 青 霄.
Vốn xưa thiếp khách thanh tiêu.

仙 妹 羅 号 絳 嬌 羅 名.
Tiên-Chú là hiệu, Giáng-Kiều là tên.

巴 生 奄 礙 為 緣.
Ba sinh đã nặng vì duyên.

352 - 拽 身 柳 要 結 願 𠊛 誓.
Dem thân liễu yếu kết nguyện dào thơ.

因 緣 奄 定 暗 初.
Nhân duyên đã định ngày xưa.

絲 腔 車 旦 悲 徐 貝 親.
Tơ giăng xe đến bấy giờ với thân.

拱 羅 忸 德 先 君.
Cũng là nhớ đức Tiên-quân.

356 - 朵 花 別 麵 主 春 自 劇.
Đoá hoa biết mặt chúa xuân tự dầy.

生 浪 融 閉 數 矜.
Sinh rằng trong bấy lâu nay.

叭 慾 襘 悶 固 鼎 吊 愎.
Nhắp bầu gội muộn có ngày nào ngơi.

奄 浪 作 合 緣 垄
Đã rằng tác hợp duyên giời,

360 - 吟 之 朱 洶 憑 歌 鼜 覓.
Làm chi cho vẩn lòng người lắm nao.

娘 浪 吁 決 招 抹.
Nàng ràng xin quyết gieo cầu.

364 — 心 輪 嚐 貝 蓮 頭 撐 撐.
Tâm Sơn thề với trên đầu xanh xanh.

敢 兜 學 退 燕 鶯.
Giám đâu học thoái yến, oanh.

364 — 嘆 情 膠 憂 濕 情 炤 香.
Mặn tình giăng gió, nhạt tình lửa hương.

招 抹 犂 兎 揖 揚.
Gieo cầu trước đá giờ giường.

猴 戚 湟 砌 泳 鑌 如 制.
Sau nên nát đá phai vàng như chói.

價 兩 群 底 啃 芸.
Mãi tay còn để tiếng đời.

368 — 撩 對 今 古 朱 得 燸 終.
Treo giường kim, cổ cho người soi chung.

f° 13ª. col 1. 遲 之 花 貝 憂 東.
Lạ chi hoa với gió đông.

惜 香 且 拱 咍 悉 嗎 撐.
Tiếc hương vả cũng nể lòng chim xanh,

沃 枚 滑 憂 無 情.
Một mai mưa, gió vô tình.

372 — 糾 殘 戚 底 燕 鶯 哽 何.
Vóc tàn nên để yến, oanh hãng hờ.

抔 斡 身 分 要 疎 .
Nghĩ trong thân phận yếu thơ .

376 - 吟 之 底 哨 初 初 吏 牖 .
Lâm chi đế tiếng xơ xơ lại sau ,
吶 催 捽 度 鬱 頭
Nói thôi rứt chiếc trâm đầu .

376 - 変 形 連 覽 堆 侯 墨 號 .
Biến hình liền thấy đòi hầu theo ra ,
燈 烊 忉 拶 席 花 .
Cũng bừng sâm sửa tức hoa ,

屏 沉 逆 燒 囀 霞 淡 香 .
Bình trầm đưa khói chén hà đượm hương .
噇 情 聘 囀 瓊 漿 .
Giọng tình sánh chén quỳnh tương .

380 - 假 醒 生 拱 算 塘 吝 巾 .
Giả say sinh cũng toan tường lần khăn .
踈 浪 風 債 前 因 .
Chửa rằng tức trái tiền nhân .

空 仍 易 鼈 墜 塵 尼 之 .
Không nhưng rẽ tưởng coi trần này chi ,
双 胖 余 几 相 知
Song còn mấy kẻ tương tri .

384 - 閉 吩 渚 固 忸 之 羅 兜
Bấy nay chửa có chút gì là đâu .

f° 13. B. col 1.

	戮	吁	咽	伴	官	珠	.	
	Cuộc	xin	mời	bạn	cung	châu	.	
	学	緣	尼	阻	術	婇	群	戝 .
	Chữ	duyên	này	trở	về	sau	còn	đai .
		瞗	啞	吶	拱	淹	聰 .	
		Nghe	nhỏi	nói	cũng	êm	tai .	
388 -	朝	憃	之	女	押	奈	湄	遽 .
	Chiều	lồng	chi	nửa	ép	nài	(mây	nửa .)
		鞀	墡	攔	局	醒	醒 .	
		Cuốc	sân	lan	cuộc	tỉnh	say .	
	啃	恤	猜	月	席	囤	对	花 .
	Tiếng	vui	giải	nguyệt	tiệc	vây	đối	hoa ,
		朝	遽	俸	撟	敲	加 .	
		Chiều	mây	bồng	kéo	quanh	nhà .	
392 -	草	庵	卒	龟	拘	嘬出	楼	臺 .
	Cháo	an	thốt	đã	đối	na	lâu	đai .
		祥	光	糊	沒	船	尖 .	
		Tường	quang	sáng	một	góc	giời .	
	眼	如	禊	惵	襜	鞋	別	包 .
	Nhỏn	nhỏ	áo ,	nu ,	xiêm ,	hai	biết	bao .
		得	窈	窕	几	清	騷 .	
		Người	yểu	điệu ,	kẻ	thanh	tao .	
396 -	沒	歌	沒	鎁	埃	芾	劍	埃 .
	Một	người	một	vẻ	ai	nào	kém	ai .

呂 来 边 呐 边 嗱.
Là lòi bên nói bên cuối.

边 朋 故 友 边 吶迸 新 郎
Bên mũng cố hữu bên nói tân lang.

拎 逶 撇 韇 穩 鐲.
Dong dưa dưa thắm chen vàng.

400- 羽 衣 湟 倘 霓 裳 切 他.
Vũ y nệt thoảng nghê thường thiết tha.

fo 14a col 1. 宴 賓 攔 嘶 南 巴.
Yến tân lan chén năm ba.

歌 群 恤 席 客 它 告 醒.
Người còn vui tiệc khách đã cáo say.

几 器 狼 輛 車 纏.
Kẻ ra nường bánh xe mây.

404- 歌 包 錦 帳 恤 囲 伴 鳶
Người vào cẩm trướng vui vầy bạn loan.

左 哉 余 巽? 花 顏.
Cả tới nuấy thóm hoa nhan.

解 禎 翠 羽? 挽? 慢 芙 蓉.
Giải chăn thuý vũ buông màn phù dung.

房 仙 迢 迭 嘶 同.
Rhong tiên giu giật chén đồng.

408- 簾 湘 撫 湟 帳 紅 撩 高
Rèm tường dủ nệt trướng hồng treo cao.

帆 漁 戲 翁 洞 桃。
Buồm ngư hé cửa động đào.

還 滌 波 愛 湄 湜 滝 恩.
Mây tuôn bể ái mưa dào sông ân.

余 鐄 樹 特 刻 春.
Mấy vàng đổi được khắc xuân.

412 - 初 矜 才 子 佳 人 還 之.
Xưa nay tài tử, giai nhân lạ gì.

朱 哈 千 載 佳 期
Cho hay thiên tải giai kỳ.

膛 蔗 車 免 沛 時 桃 嫩
Giàng già xe đá phải thì đào non.

拱 罢 沒 紲 絲 輪.
Cũng là một sợi tơ son.

416 - 南五 森 蒲 拱 猖 贇 自 低.
Năm trăm năm cũng vuông tròn tự đây.

f° 14B. col 1

扶 蔦 自 睏 炭 縯.
Phím loan tự thuở bén giây.

欺 潭 蟠 免 補 晻 忸 戎.
Khi đàm thăm đã bổ ngày nhớ nhung.

欺 鬱 沫 日六 膛 沖.
Khi gió mát lúc giàng trong.

420 - 鼜 仙 祝 酋 扶 銅 护 縯.
Bầu tiên chuốc rượu, phím đồng lựa giây.

欺 雪 噴 昕 霜 鬢。
Khi tuyết phún hué sương bay.

句 詩 蓮 閣 盤 囲 边 屏。
Câu thơ trên gác bàn vây bên bình.

得 俊 秀 仉 傾 城。
Người tuấn tú, kẻ khuynh thành.

424- 琴 棋 詩 畫 楚 鏘 塵 緣。
Cầm, kỳ, thi, họa đủ vành trần duyên.

得 騷 雅 客 嬋 娟。
Người tao nhã, khách thuyền quyên.

凡 花 雪 月 羅 仙 融 萬。
Phong hoa tuyết nguyệt là tiên trong đời.

茹 蘭 森 合 伴 枚。
Nhà lan xum họp bạn mai;

428- 奄 融 賴 藻 吏 逊 絲 歌。
Dù trong tân tảo lại ngoài tì ca,

吝 吝 南 奄 計 巳。
Lẫn lẫn năm dà kể ba,

杏 霖 度 赫 柳 菲 分 鈖。
Hạnh trăm độ thắm liễu vài phân sơn,

緣 埃 併 奄 雀 鷰。
Duyên ai tính dà vuông tròn.

432. 帝 咍 嫺 黜 忡 群 拱 揚。
Nào hay nợ trước chữ còn giờ dường.

f° 15° col 1.

陳 生 自 節 退 娘.
Trần - Sinh tự tiết gặp nàng.

慨 醒 迷 買 於 強 過 初.
Vui say mê mải nay càng quá xưa.

沒 時 醒 余 更 乘.
Một ngày say mấy canh thừa.

436 - 恨 寅 娘 買 吒 退 沙 穀.
Ngắn giăn nàng mới ngỏ dưa ít nhiều.

浪 吒 啟 沒 台二 調.
Rằng xin gửi một hai tiêu

身 寐 離 女 補 料 世 於.
Thân trăm nằm nửa bỏ liều thế ư.

少 之 仍 傳 時 初.
Chiếu gì những truyện ngày xưa.

440 - 群 碑 底 妬 知 矢口 渚 痢.
Còn bia để đó tri tri chửa mòn.

意 埃 賧 蹈 边 嫩.
Ai ai nỡ gót bên non.

膨 膀 采 石 羅 魂 埃 醒.
Bóng giăng thái thạch la hồn ai say.

杏 群 忙 熔 渚 咍.
Ví còn nhầm trước chửa hay.

444 - 時 挽 劉 意 隊 尼 麻 燸.
Thì đem giường ấy sau này mà soi.

嗼 台 勸 喻 旦 唑.
Ngán thay khuyên nhủ đến nhòi.

渚 箕 滁 硃 固 味 之 兜.
Nước kia giới đá có mùi chi dâu.

催 暱 論 吏 腌 鞠.
Thôi ngay trọn lại đèm thâu.

448 - 泔 鍾 李 白 迎 歙 劉 伶.
Cạn chung Lý-Bạch, nghiêng bâu Lưu-Linh.

fo 15 c col 1 麻 綿 硱 橘 边 艄.
Ma nuen quanh quất bên mình.

朱 殫 朗 技 朱 屏 滌 香.
Cho tán lảng phím, cho bình nhạt hương.

貝 迷 醂 醒 心 膓.
Bải mê say tỉnh tâm trường.

452 - 料 排 娘 吏 尋 塘 嗼 囉.
Liệu bài nàng lại tìm tường van lơn.

債 聰 砠 吏 癌 肝.
Trái tai vả lại ngứa gan.

當 翈 女 撼 花 殘 左 哉
Dang tay nữ giải hoa tàn tả tơi.

褯 同 攕 罕 巾 堆.
Giải đồng xé hẳn lam đôi.

456 - 翹 歙 跩 阮 渚 濡 拱 油.
Kánh bẹo theo ngọn nước thờ cúng dầu.

娘 強 尋 謝 孫 珠.
Nàng càng tầm tạ tuôn châu.

嗲 人 情 塞 器 牟 韜 派.
Ngán nhân tình khéo ra mầu thắm phai.

浪 碎 碎 𠊎 過 唑.
Rằng tôi tôi đã quá nhời.

460 - 吹 憑 指 吏 沒 台 矯 麻.
Xuôi lòng nghĩ lại một hai kẻo mà.

生 當 恤 嘆 羅 它.
Sinh đường nuôi chén la đà.

洶 滒 性 鬼 魂 魔 別 之.
Vẫn vơ tính quỷ hồn ma biệt gì.

吶 催 吶 拱 知 知.
Nói thôi nói cũng trì trì.

464 - 聽 墨 啃 礦 女口 銖 噇 脣.
Nghe ra tiếng nặng như chì giọng say.

f° 16ª col 1. 娘 浪 緣 嬪 閉 矜.
Nàng rằng duyên nợ bấy nay.

傷 喂 滸 覩 卜 浩 特 兜.
Thương ôi nước đổ bốc đầy dưới đâu.

惜 朱 沒 婚 戴 牛.
Tiếc cho nỗi vợ chồng Ngâu.

468 - 濕 秋 減 易 北 抹 仝 番.
Dành thu nên rễ bác cầu mấy phen.

說 之 女 巧 花 憤.
Xá chi nữa cái hoa hèn.

抔 必 之 女 巧 緣 鼈 弦.
Nghĩ lăm chi nữa cái duyên cũ càng.

472 - 拖 憃 把 翠 波 香.
Dã lòng rẽ thuý chia hương.

拖 憃 汜 玉 枉 鐲 時 唧.
Dã lòng dậy ngọc uổng vàng thì vâng.

催 催 催 拱 拎 憑.
Thôi thôi thôi cũng cầm bằng.

紅 紅 付 者 婆 膀 朱 来.
Hồng hồng phó giả bà giăng cho với.

476 - 褲 催 踌 吏 壈 外
Lấy thôi đứng lại sân ngoài.

邊 盤 醒 醒 默 得 蚓 猪.
Bên bàn tỉnh tỉnh mặc người ngồi thờ.

生 群 當 局 吊 怙.
Sinh con đương cuộc nào ngờ.

醒 寅 寅 吏 閉 舂 別 牢.
Tỉnh giản giản lại lấy giờ biết sao.

別 方 吊 別 酌 吊.
Biết phương nào biết chước nào.

480 - 固 庄 群 眈 占 包 禍 罗.
Có chẳng con lúc chiêm bao hoạ là.

f° 16 B. col 1.

嫩 神 余 黮 塘 賒.
Non thần mấy dậm dường xa.

塊 霾 漫 莫 易 麻 恩 為.
Khói mây man mác rẻ mà nhẫn vay.
vato - vagu

484 - 堵 霾 漫 莫 易 麻 恩 為.
堵 滌 糢 坦 崗 磋 滇 仝.
Mây tuôn mải tải núi xây chân giời.
乞 澄 波 瀋 溫 澗.
Ngất chừng bể thẳm doanh khơi.

塘 賒 包 那 情 戝 閉 饒.
Đường xa bao ná tình dài bấy nhiêu.
恤 暗 壙 永 塘 曲.
Buồn trông quãng vắng đường oeo.

488 - 鬱 抹 弭 蓼 霜 招 磉 梗.
Gió lay nhẹ lá sương gieo nặng cành.
恤 暗 剚 波 濛 溟.
Buồn trông cửa bể mông mênh.

孤 船 湿 倘 鸕 椋 滾 昂.
Con thuyền thấp thoáng cuối ghềnh ngỏn ngang.
恤 暗 鸕 浦 衡 陽.
Buồn trông cuối phố Hành dường.

492 翹 鴻 沁 泣 劇 霜 潭 湜.
Cánh hồng nhạn nhập dậy sương đầy địa.

	愴	瞳	眺	襠	蘇	溪		
	Buồn	trông	theo	giải	Tô	khê		
				Nuban du	Tô Lịch			
烏	叫	蓓	蓁	樓	術	同	空	
Chim	kêu	bụi	rậm	trâu	về	đồng	không	
	景	愴	如	噬	心	悉		
	Cảnh	buồn	như	giục	tấm	lòng		
496 - 吏	添	問	曰	余	鋒	絲	紅	
Lại	thêm	vấn	viết	mấy	vòng	tơ	vương	
f° 17ª col 2. 意	埃	沛	巒	扒	張			
Ấy	ai	phải	núi	chăng	Chương			
嫩	仙	隔	沒	劈	塘	戚	賒	
Non	tiên	cách	một	tác	đường	nên	xa	
	咍	羅	耒	數	姮	娥		
	Hay	là	tới	số	hằng	-nga	;	
500 - 脽	冬	宇	宇	膊	斜	穻	踈	
Đêm	đông	vũ	vũ	bóng	tà	sao	thưa	
	扜	情	戚	仍	艮	魚		
	Nghĩ	tình	nên	những	ngẩn	ngơ		
埃	蓮	塘	意	埃	徐	待	埃	
Ai	lên	đường	ấy	ai	chờ	đợi	ai	
	吝	吝	膜	最	憊	救		
	Lận	lận	giăng	tới	giờ	mai		
504 扜	宇	朱	擘	事	焚	胚	坡	
Nghĩ	sao	cho	xiết	sự	đời	phôi	pha	

1. provoquer par des vexations
nailler qqn. 2. se repeter 3. lieu, difficulté

	嘵嘹	的	之	貝	膝	鞋		
	Trêu	người[1]	chi	nói	giàng	giã		
	車	綀	牘	脇	糾	承	麻	制
	Xe	giày	mỏng	mảnh	buộc	thừa	mã	chói
	朱	戚	隔	阻	堆	尼		
	Cho	nên	cách	trở	đói	nói		
508 –	花	濡	剳	洞	渚	泳	墜	塵
	Hoa	trời	cửa	động	nước	xuối	coi	trần
	抬	禎	禎	龜	哎	噉[2]		
	Nghĩ	riêng	riêng	đa	ăn	nắn		
	粉	糊	胖	妬	精	神	吊	兜
	Phấn	hồ	con	đó	tinh	thần	nào	đâu
	弦	添	嗷	嗆	森	朝		
	Càng	thêm	ngao	ngán[3]	thăm	chiều		
512 –	戝	吊	吊	日八	餲	吊	吊	唁
	Giấc	nào	nào	nhập	bữa	nào	nào	ngon
f° 17ᴮ col 1.	壳	蝸	暟	沒	瘠	痢		
	Xác	ve	ngày	một	héo	mòn		
	攢	肝	猥	猱	慷	魂	丐	鵑
	Châm	gan	con	vượn	mỏ	hồn	cái	quyên
	寫	悉	痂	草	迸	篇		
	Cả	lòng	tay	thảo	mười	thiên		
516	余	勾	余	穻	余	斬	珠	涞
	Mấy	câu	mấy	chữ	mấy	ngàn	châu	rồi

何 生 沛 睨 遛 制.
Hà sinh phải buổi sang chơi.

恤 情 契 潤 料 排 解 勸.
Xót tình thề thoả liệu bầy giải khuyên.

520 - 抔 兜 浪 鬼 浪 仙.
Nghĩ đâu rằng quỉ rằng liền.

沒 枚 沒 磊 傀 煩 惱 之.
Một may một rủi thôi phiền não chi.

咄 仙 緣 奄 滿 期.
Dù liền duyên đã mãn kỳ.

徐 朱 緣 合 珠 術 胖 差.
Chờ cho duyên hợp châu về còn xót.

咳 吁 弦 祕 必 鮮.
Hai xin giường lấy lâm tươi.

524 - 梗 愁 捽 奇 朱 鼽 沛 覓.
Gánh sầu trút cả cho người phải nao.

禍 罌 欺 到 世 芾.
Hoạ ra khi đến thế nào.

麻 朱 眛 俗 瞳 包 牢 穢.
Mà cho mất tục trông vào sao nên.

浪 初 啐 奄 礦 願.
Rằng xưa trót đã nặng nguyền.

528 - 沛 抾 鐄 砌 麻 塡 貝 吹.
Phải đem vàng đá mà đền với xuôi.

f° 18ª col 1.

他 停 劻 世 間 嗔 其
Thà đành chịu thế giàn cười.

欣 群 甘 負 見 得 知 音
Hớn cơn cam phụ với người tri âm.

緣 初 區 極 車 牡
Duyên xưa âu chẳng xe nhầm.

532 - 包 徐 撟 歌 絲 蚕 麻 咱
Bao giờ kéo hết tơ tằm mà hay.

功 兜 扔 摸 怙 撝
Công đâu nghĩ muốn lo vay.

喃 痫 碑 砐 坤 抹 劈 悉
Dầu mòn bia đá khôn lay tấc lòng.

眙 朝 吶 拱 如 空
Xem chiều nói cũng như không.

536 - 何 生 罢 意 尚 崇 告 躉
Hà - Sinh ra ý sướng sùng cáo lu.

客 它 術 准 丙 齋
Khách đà về chốn tây trai.

沒 躺 沒 膊 跱 蚪 牢 安
Một mình một bóng dường ngồi sao yên.

決 尋 泣 諾 嫩 仙
Quyết tìm khấp nước non tiên.

540 - 挽 緣 佳 老 訂 願 来 生
Đem duyên giai lão đính nguyền lai sinh

纒 羅 撿 產 边 躬.
Giải là dử sản bên mình,

拱 料 鼈 女 甩 情 此 貼.
Cũng liệu trăng nợ phong tình thử xem.

544 — 長 花 兜 俸 粿 墻 左 哉
Trang hoa dâu bổng trước thềm ta tới.

f° 18ᵇ. col 1 當 欺 浪 沒 浪 台二.
Đương khi nàng một nàng hai.

擲 鞋 娘 𠊛 細 尼 包 徐.
Sịch hài nàng đã tới nơi bao giờ.

麵 瞳 麵 咳 艮 魚.
Mặt trông mặt hãy ngẫn ngơ.

548 — 茶 咍 𠊛 醒 群 怙 浪 迷
Nào hay đã tỉnh còn ngờ nàng mê.

枚 牢 枚 害 彡 術.
May sao may khéo đi về.

嗤 頭 崒 女 群 之 畏 埃.
Chậm chân chút nữa còn gì là ai,

眛 瞋 終 奇 猥 時.
Mặt nhìn chung cả con người.

552 — 边 悉 慏 悴 边 唒 合 散
Bên lòng mừng, tủi bên nhơi hợp tan.

生 浪 但 永 芳 顏.
Sinh rằng tử vắng phương nhan.

悉 號 膛 波 遷 岸 少 兜.
Lòng theo giảng bể mây ngàn thiếu đâu.

管 包 波 驕 滝 淺.
Quản bao bể rộng sông sâu.

556 — 免 算 情 奇 巧 抹 死 生.
Dã toan quên cả cái cầu tử sinh.

監 兜 禎 負 貝 情.
Giám đâu riêng phụ với tình.

帶 鑌 固 垣 連 撑 固 尖.
Dưới vàng có đất, trên xanh có giới.

捧 之 仍 事 免 来.
Rỏ chi những sự đã rồi.

560 — 鉄 輪 記 鑿 沒 咗 但 低.
Sắt son ghi tạc một nhời tử đây.

fo 19a vol 1 啄 浪 琴 免 燒 綀.
Chứa rằng cầm đã bén giây.

固 知 音 奶 捲 綀 牢 停.
Có tri âm đó quấn giây sao đành.

拱 功 香 焰 巴 生.
Cũng công hương lửa ba sinh.

564 — 炉 香 監 底 塊 情 貝 牢.
Lò hương giam để khói tình với sao.

1. Testament

丁 寧 哏 柿 漆 膠
Đinh ninh[1] gắn bó tất giao.

鱖 斷 跤 蹟 帳 桃 双 双
Cuốc sau nối gót trướng đào song song.

園 春 花 毋 悄 蠅
Vườn xuân hoa đã quen ong.

568— 曾 賒 吹 鄭 吏 濃 嘩 添
Cũng xa xôi lắm lại nồng nàn thêm.

尒 秋 襘 廕 禎 淹
Mấy thu gối ấm chăn êm.

闈 棋 扜 義 房 粘 鎖 情
Cửa cài then nghĩa phòng niêm khoá tình.

蓮 桃 皮 覓 信 鴛
Trên đào vừa thấy tin oanh

572— 榕 樛 劊 毋 絡 梗 桂 燕
Gốc cù sớm đã rối cành quế yên.

珍 兒 淶 忸 蹟 仙
Trân Nhi rối chút giấu tiên.

沒 枚 倍 底 糊 垀 詩 書
Một mai vội để' sáng nên thi thư.

生 弦 針 忸 劊 豬
Sinh càng chăm chút sớm trưa.

576— 鮹 蒙 貶 涕 蟲 賒 衝 瀠
Cá mong nhảy sóng nông chờ xông mấy.

1. tsiv.

f°19 8° col 1.

塘 垄 皮 掙 翅 鵬
Dương giời vừa sắp cánh bay.

從 容 娘 吏 特 排 沒 台二.
Chong dong nàng lại giải bầy một hai.

浪 曉 朱 透 事 哉.
Rằng coi cho thấu sự tới

580- 緘 名 鎖 利 余 得 世 間.
Giam 1 danh khoá lời mấy người thế gian.

垄 秋 遷 合 遷 散.
Giời thu mây họp mây tan.

景 春 花 妥 花 殘 余 林.
Ngay xuân hoa nở hoa tàn mấy lâm.

罷 鈡 參八 炒 迸 輔.
Và trong tám, chín, mười năm.

584- 膊 駒 剳 致 易 拎 賣 油.
Bóng câu cửa sổ đề cầm mai dầu

肫 昌 掀 蓋 闇 浮.
Chịt, xướng gửi ang Diêm - phù.

生 生 化 化 鈡 炉 洪 鈞.
Sinh sinh, hoá hoá trong lò Hồng-quân.

妬 埃 蹴 塊 黿 塵.
Đố ai vượt khỏi lòng trần.

588- 滝 迷 沉 妥 世 人 免 潒
Sông mê chìm nở thế nhân dại dày.

英 雄 仍 糊 初 於.
Anh hùng những mặt xưa nay.

592 — 森 楠 湟 貝 鞋 核 拱 羅.
Trầm nằm nát với cỏ cây cũng là.

f° 20. a col 1. 吝 吝 腦 論 暱 戈.
Lần lần tháng trọn ngày qua.

592 — 鵑 紅 余 丿 𠬜 墨 泊 頭.
Má hồng mấy phút đà ra bạc đầu.

f° 20. a col 1. 村 荒 余 埝 鞋 丘.
Chôn hoang mấy nấm cỏ khâu.

箕 墀 銅 雀 咍 樓 岳 陽.
Kìa nền đồng - tước hay lầu nhạc - dương.

渚 浩 汶 局 桑 滄.
Chúa đầy một cuộc tang thương.

596 — 嫩 銅 𠬜 垢 崗 鑕 拱 迎.
Non đồng đà bỏ núi vàng cũng nghiêng.

牢 平 暱 腦 宮 仙.
Sao bằng ngày tháng cung tiên.

慍 終 參 坿 春 禎 果 勝.
Vui chung tám cõi xuân riêng bốn mùa.

育 昂 果 波 南 湖.
Giọc ngang bốn bể, nằm hồ,

600 - 泣 𠊛 巴 坿 妙 洲 默 油.
Khấp trong ba cõi chín châu mặc dầu.

	罢出	包	金	闕	瓊	樓.		
	Ra	vào	kim	khuyết,	quỳnh	lâu.		
	撩	幀	煙	水	攢	獱	乾	坤.
	Treo	tranh	yên	thuỷ	chất	bầu	can,	khôn.
		趁	術	雪	店	花	村	
		Đi	về	tuyết	điếm	hoa	thôn.	
604	橋	嚟	楪	柏	滥	滌	兗	彈.
	Thông	nên	dịp	phách	suối	tuôn	ngón	đàn.
		沒	時	衂	趣	清	閒.	
		Một	ngày	trong	thú	thanh	nhàn.	
	余	暮	囘	景	人	環	度	牢.
	Mấy	trăm	muôn	cảnh	nhân	hoàn	độ	sao.
		藿	払	翩	扔	衹	覓	
		Khuôn	chàng	sớm	nghĩ	lấy	nao.	
608	鶻	鶏	鶴	內	边	吊	罢	欣.
	Gà	lồng,	hạc	nội	bên	nào	là	hỡn.
f°20 B. col 1.		憐	賴	生	仍	盤	桓.	
		Mảng	riêng	Sinh	nhưng	bàn	hoàn.	
	鼃	醡	墜	靜	渚	散	悉	凡.
	Cuy	say	cỏi	tĩnh	chửa	tan	lòng	phàm.
		捽	初	襫	策	猥	翦.	
		Trốt	xưa	túi	sách	còn	gươm.	
612	箕	埃	巢	許	埃	吣	伊	周.
	Kìa	ai	Sào	- Hứa	ai	làm	Y,	Chu.

哪 浪 𥪡 嗜 丈 夫
Chưa rằng đã tiếng trượng phu.

事 哉 榮 辱 之 朱 絆 悉
Sự đời vinh nhục chi cho bận lòng.

音 貪 larger 馳 鬧 鐘
Vì tham ngàn tứ muôn chung.

616 — 猥 鴿 鏃 買 拱 軨 圂 奎
Con chim bay mãi cũng trong khuôn giới.

吟 之 朱 伴 仙 嘆
Làm chi cho bạn tiên cười.

埃 慍 猿 鶴 埃 慍 霞 煙
Ai vui viên, hạc, ai vui yên hà.

汶 滒 衶 盎 繁 花
Vẫn vơ trong áng phồn hoa.

620 — 巴 迸 老六 洞 埃 哭 主 人
Ba mươi sáu động ai là chủ nhân.

生 瞖 醒 傳 前 因
Sinh nghe tỉnh truyện tiền nhân.

沼 寅 培 俗 嶄 寅 跔 迷
Rước giấn bụi tục tỏ giấn lối mê.

浪 習 黃 帝 安 期
Rằng xưa Hoàng-đế, An-Kỳ.

624 — 吊 方 脫 化 修 持 牢 低
Nào phương thoát hoá tu trì sao đây.

1. Secret. mystérieux

f°2 R°, col 1

娘 浪 道 伕 冉 1 台.
Nàng ràng đạo phật nhiễm thay.

喬 松 初 拱 世 尼 渚 牢.
Kiều tùng xưa cũng thế này chó sao.

俎 扒 預 墝 尾 騷.
Vả chăng dự bậc phòng tao.

628 - 麻 軸 葉 效 天 曹 周 貂.
Mà trong lá số thiên - tào có tên.

學 牢 朱 腐 眞 傳.
Học sao cho hết chân truyền.

修 牢 朱 腐 精 玄 時 修.
Tu sao cho hết tinh huyền thì tu.

秈 捽 沒 道 仙 符.
Cây thao một đạo tiên phù.

632 - 沒 方 火 棗 沒 炉 金 丹.
Một phương hoả táo một lò kim đan.

塘 修 產 趣 考 盤.
Đường tu sản thú khảo bàn.

酳 蓮 聘 噇 茶 蘭 贊 悉.
Rượu sen sánh giọng chè lan thơm lòng.

吝 暁 憲 柳 膝 桐.
Lần theo gió liễu giăng đồng.

636 - 昌 凡 如 執 翅 璣 弭 讓.
Xướng phàm như chấp cánh lòng nhẹ nhường.

當 欺 躲 皇 點 鐳。
Đương khi lỏi trắng điểm vàng.

醒 醉 王 母 慷 慌 老 君。
Tỉnh say Vương mẫu mở mang Lão Quân.

640— 鸛 兜 堆 隻 粼 璘 迍 得。
Hạc đâu đôi chiếc trước sân tới người.

黜 孭 騎 鸛 奇 嘆。
Ra tay cưỡi hạc cả cười.

唌 珍 兜 吏 纏 唑 誓 初
Giận Trân Nhi lại nói nhời thề xưa.

群 期 曳 慮 滌 霤。
Con kỳ giày gió tuôn mưa.

644— 蠬 驂 驭 撦 闭 徐 仕 哈。
Rồng mây gặp gỡ bầy giờ sẽ hay.

唌 来 遄 擔 塘 驂。
Giận nỗi thẳng thỏ đường mây.

鸎 骹 翅 鸛 徘 西 絶 滿
Trông theo cánh hạc về tây tuyệt vời.

蓬 菜 禎 沒 鄤 尘。
Bồng lai riêng một bầu giời.

648— 幔 花 梂 砂 余 尼 天 成。
Mãn hoa cầu đá mấy nước thiên thành。

f° 1° col 1.

征婦吟
Chinh phụ ngâm.
AB. 650.

蟲 罷 占 占 艱位 奎.
Rồng bay chỏm chỏm ngôi giời.

鶒 軻 政 教 撕 外 提 封.
Mỏ trong chính giáo sửa ngoài đề phong.

揸 車 乃 役 童 戎.
Dậy xe này việc dùng nhung.

鼓 鼙 戲 動 檄 驄 鼙 傳. -4
Cỗ bê sấm dộng hịch lồng sao truyền.

丈 夫 能 弩 弓 矧.
Trượng phu nàng nỏ cung tên.

針 皮 國 事 擱 边 閨 情.
Chăm bê quốc sự gác bên khuê tình.

渭 橋 啄 細 登 程.
Vị - kiều giục tới dặng trình.

渚 鞘 涞 潮 鞜 撑 蓳 油 -8
Nước trong lai lưng cỏ xanh dậm dầu.

餞 送 挂 沒 搜 愁.
Tiễn đưa quảy một gánh sầu.

帛 船 磭 遒 跡 駒 弭 鹽.
Con thuyền nặng chở vó câu nhẹ chơn.

錦 袍 吠 啡 咍 嫩.
Cẩm bào thí thói nỉ non.

12 - 蹏 鐀 胖 紑 戰 鞠 女 離.
Gói vàng con bận chén son nữ lìa,
盔 功 名 決 志 誓.
Xứng công danh quyết chí thệ.
樓 蘭 跡 驥 蛮 溪 標 銅.
Lâu - lan vó kỳ. Man - khê tiêu đồng.

fo 9. col 1 竜 泉 泧 幹 握 撻.
Long tuyền một cán vẫy vùng.

16 - 馭 烏 漂 捲 襖 紅 霜 穿.
Ngựa ô mây quấn áo hồng sương xuyên.
剋 學 丿 修 黕 斬.
Các gang phút sẩy dặm nghìn.
边 塘 碍 仉 氷 汚 忸 車
Bên đường ngại kẻ bằng miền xót xa.
箬 旗 體 𠓛 賒 賒.
Lá cờ trông tạ xa xa,

20 - 茆 罟 細 柳 茆 罟 長 楊.
Nào là tế liễu, nào là trường dương.
油 乂 元 塊 梗 霜.
Dầu dầu ngọn khói cành sương,
柳 楊 周 透 断 腸 尼 空.
Liễu dương có thấu đoạn trường này không.

几 彡 湄 憲 濺 濛.
Kẻ đi mưa gió mịt mông.

24. 几 術 禎 襘 冷 遶 蘢 香.
Kẻ về chăn gối lạnh lùng buồng hương.

㘭 恚 宇 又 堆 方.
Các lòng vô vố đôi phương.

咸 陽 扎 瞶 洋 湘 妾 汚.
Hàm-dương chăng ngóng. Tiêu-tương thiếp ngừng.

洋 湘 塊 鎖 斬 層.
Tiêu-tương khói toả nghìn tầng.

28- 咸 陽 棲 拱 雲 澄 瀋 淒.
Hàn-dương cây cũng ngất chứng thẳm sâu.

撑 又 怒 楪 岸 槐.
Xanh xanh nọ khóm ngàn giâu.

餒 扎 餒 妾 慘 愁 羔 包.
Nỗi chăng nỗi thiếp thảm sầu dường bao.

f°2ª col. 坶 外 自 演 音 耗.
Cõi ngoài tự diễn âm hao.

32- 渚 嫩 渚 嶄 准 芾 窩 娘.
Nước non chừa tỏ chốn nào ngọ nường.

初 矜 於 盎 戦 場.
Xưa nay ở đám chiến trường.

𠱠 停 衿 摶 朝 霜 焙 油.
Đã đành gói vác nằm sương giải giầu.

餓 飯 飴 甕 諾 瓢.
Đói no cơm ông nước bầu.

36 - 狀 征 夫 意 埃 候 鎧 戰.
Trạng chinh phu ấy ai hầu về nên.

隔 澄 瘴 霧 嵐 烟.
Cách chừng chướng, vụ, lam, yên.

扔 扒 隴 仍 聽 汚 別 牢.
Nghĩ chăng lường những trông miền biển sao.

東 南 伺 指 院 桃。
Đông, nam tứ chỉ ngọn đào.

40 - 蹈 路 渚 別 陣 帥 收 功.
Rước giòng chửa biết trận nào thu công.

碧 吟 余 仉 英 雄.
Xưa nay mấy kẻ anh hùng.

黴 銑 凡 磾 突 衝 仍 料.
Mười tiền, hòn đạn đột xung những liều.

筆 硯 捶 裡 弓 刀.
Bút nghiên đổi lấy cung đao.

44 - 睬 色 隘 玉 扒 超 免 鞍.
Chưa vào ải ngọc, chăng Siêu đã già.

帶 旗 蓮 馭 衝 坡.
Dưới cờ trên ngựa xông pha.

悞 扒 若 辱 埃 畏 剋 蘇.
Nỗi chăng khó nhọc ai là nhớ to.

fo 2B. col 1

妾 仃 娘 劃 虾 又.
Chiếp đanh nương cửa vỏ vỏ.

48 - 扒 鞘 吝 悚 程 遙 朱 涓.
Chăng sao lận đận trình đỏ cho quên.
嘮 台 穷 侶 少 年.
Ngán thay cùng lứa thiếu niên.
關 山 女 底 寒 暄 包 停.
Quan san nữa để hàn huyên bao đanh.
暔 彡 栁 渚 嘲 鴦.
Chuở đi liễu chửa chào oanh.

52 - 哨 鵑 浪 罕 丁 寧 度 術.
Tiếng quyên năng hẳn đinh ninh độ về.
包 悞 鵑 迌 噈 壞.
Bao ngộ quyên đá giục hè.
暟 迍 暎 喂 琴 蜗 船 墻.
Ngày chầy ánh ỏi cầm ve góc tường.
暔 澁 梅 渚 嚩 霜.
Chuở ra mai chửa nhởn sương.

56 - 戈 期 浪 倣 節 鄤 桃 紅.
Qua kỳ năng phỏng tiết sang đào hồng.
包 悞 桃 迌 残 芼.
Bao ngộ đào đá tàn bông.
梅 鞋 幸 夾 芙 蓉 迌 皮.
Mai giả xíl giáp phù dung đá vứa.

陇 岸 欺 待 班 晡猪.
Lũng, ngàn khi đợi ban trưa.

60- 哥 皮 廊 邊 論 除 鴟 嘺.
Cư bề lang quanh trọn chỗ chim kêu.

漢 陽 欺 待 班 朝.
Hán-dương khi đợi ban chiều.

寒 江 渚 汜 剗 潮 配 坡.
Hàn-giang nước dấy của chiều phối pha.

fº 3º. col 1. 吝 回 腦 論 暯 戈.
Lận hồi tháng trọn ngày qua.

64- 郎 君 永 孺 埃 罢 几 咍.
Lang-quân vắng vẻ ai là kẻ hay.

指 銀 鋃 妾 刀 釵.
Chỉ ngân nhẫn thiếp deo tay.

撬 頭 玉 妾 初 岭 特 扛.
Cao đầu ngọc thiếp xưa nay giữ giàng.

漢 釵 貼 妾 回 裝.
Hán thoa của thiếp hồi trang.

68- 姜 秦 貼 妾 穷 扎 瞳 終.
Giường tần của thiếp cùng chăng sai chung.

摸 埃 退 帝 朱 穷.
Mèn ai đưa đấy cho cùng.

燉 念 隻 莫 寓 悉 渴 嘺.
Đỏ niềm chích mếch ngụ lòng khát khao.

覩 鴈 想 仍 書 捽.
Thấy nhạn tưởng nhưng thư trao.

72 - 聽 霜 時 仍 錦 袍 針 又.
Nghe sương thì nhưng cẩm bào châm chăm.
悤 得 遠 塞 車 侵.
Xót người viễn tái xa xâm.

禪 氈 襖 鐵 潭 又 雪 印.
Đệm chiên, áo thiết đàm đầm tuyết in.
羣 封 書 錦 隊 番.
Mở phong thư gấm đòi phen.

76 - 卦 錢 招 兎 姅 信 姅 悞.
Quẻ tiền gieo đã nửa tin nửa ngờ.
黃 昏 轋 屋 矧 踈.
Hoàng hôn trước ốc thẳn thơ.

腔 清 隻 膊 各 瞞 戝 槐.
Giường thanh chiếc bóng lần mơ giấc hoè.
fo 3B. col 1. 丙 棋 貝 紹 兼 車.
Biền cài bối nối dường xe.

80 - 襜 覭 弄 了 軉 蟻 字 鐊.
Xiêm nghê lỏng léo mình ve vẩy vàng.
淹 念 撫 幅 簾 霜.
Êm niệm dủ bức rèm sương.

曰尋 懞 信 鴈 腩 狠 俸 畑.
Ngày mong tin nhạn đêm nường bóng đèn.

弦 心 慣 吏 拯 慣。
Giường lam quen lại chẳng quen.

84- 綿 愁 離 濱 脉 煩 波 瀾。
Mối sầu nam diễn mạch phiền bể khơi.

臺 詞 弦 瞶 欺 来。
Đài giường giường ngắm khi rồi.

蜍 於 簪 玉 蹙? 涞 糜 盪。
Chờ ở trâm ngọc rốt rồi mặt doanh.

爐 鐄 弦 灺 心 青。
Lò vàng giường tắt lam thinh.

88- 魄 消 余 種 汐 縈 魄 況。
Hồn tiêu mấy giống vắn oanh khói trầm.

弦 鮮 懞 掀 曲 琴。
Giường tươi mong gẩy khúc cầm.

注 鷰 涞 洛 知 音 埃 停。
Phím loan rồi dác tri âm ai đành.

弦 恆 懞 掀 曲 箏。
Giường nưa mong gẩy khúc tranh.

92- 渚 嫩 情 磌 咏 萌 綀 鴛。
Nước non tình nặng e mành giây uyên.

餒 念 坤 摟 鬱 傳。
Nỗi niềm khôn muộn gió truyền.

弦 番 感 景 弦 番 鄭 意。
Cang phen cảm cảnh, cang phen trạnh lòng.

fo 4. a col 1.

唏 古 樹 溪 寒 窓.
Hôi cô thụ, giọt hàn song.

96 - 亜 楊 鈽 雪 吏 相 鋸 湄
Dã dương bua tuyết lại đông cưa mưa.
鷺 鶿 翨 鵐 街 猪.
Cô bay sớn, ác về trưa.

蟀 嗃 技 壁 鯨 退 廣 茄.
Giế kêu kẻ vách, kình đưa mái nhà.
拂 坡 阮 鞜 班 斜.
Phất pho ngọn cỏ ban tà.

100 - 帳 椒 鬱 律 簾 花 月 篭.
Trướng tiêu gió lọt rèm hoa nguyệt lồng.
月 花 花 月 重 重.
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng.

醝 花 愔 月 舅 悉 眺 又.
Say hoa thẹn nguyệt tác lòng dám dám.
朝 埃 丙 織 丙 針.
Chiều ai biếng chi biếng kim.

104 - 丙 粧 丙 點 丙 吟 丙 棋.
Biếng trang, biếng điểm, biếng ngâm, biếng cuốc.
粮 窓 咀 辯 咀 跩.
Nường song thở vắn thở dai.

如 燶 肝 鉄 如 埋 悉 輪.
Như nung gan sắt như mài lòng son.

戢 芾 倘 餡 芾 唁
Giác nao thoảng, buã nao ngon.

108 – 娘 愁 心 藥 燔 惱 心 湯.
Nuông sầu lam thuốc, nau buồn lam thang.

制 花 花 拱 彼 旁
Chói hoa hoa cũng bẽ bang,

瀉 渫 穷 醪 ㄑ 弦 滌 唏.
Rả rè cũng nuộu nuộu cang nhạt hoé.

f° 4° col 2. 為 扒 隻 膊 褸 雷.
Vi chang chiếc bóng lẻ loi.

112 – 為 扒 粧 玉 滨 沫 隊 蒐.
Vi chang duã ngọc sụt sùi doi nao.

帳 扒 芾 妾 細 兜.
Trướng chang nao thiếp tói dâu.

巾 扒 芾 妾 梁 輸 滨 芾.
Khăn chang nao thiếp nhuộm thâu giọt nao.

胳 又 隆 仍 占 色.
Đêm đêm luống nhưng chiêm bao.

116 – 趍 術 隆 水 器 色 潼 閘.
Đi về Lưng-thủy, ra vào Đồng-quan,

醒 醝 連 襜 鞲 慢.
Tỉnh say trên gối dưới màn,

欺 迷 兼 周 欺 殘 兼 空.
Khi mê dường có khi tàn dường không.

信 庄 群 忡 心 悬.
Tin chẳng cõn chứl tấm long.

120 — 鬼 又 免 妝 時 體 吝 吝.
Dăm tảm đa nhớ thĩ trông lân lân.

體 扒 妙 渭 江 津.
Trông chang diệu vọi giang tân;

鞋 燕 撑 屹 葽 秦 碧 焰.
Cỏ yên xanh ngất, nau Tần biếc ơn.

孤 村 滔 眷 隊 皆.
Cô thôn bụi quyến đoi chơn.

124 — 赶 吹 陣 鴈 術 南 斜 又.
Đi xuổi trận nhạn về nam tà tà.

體 扒 驛 路 賒 賒.
Trông chang dịch lộ xa xa,

運 孫 嫩 蜀 胶 燦 波 吳.
May tuôn non Thục, giăng loà bến Ngô.

fo 5.a col 1

岂 澄 隊 穡 霞 又
Ngất chừng đoi luá mù mù.

128 — 笛 兜 樓 北 叼 哱 吐切 賤.
Địch đâu lầu bắc, liếu lo thét dai.

瞶 體 棲 曼 蔓 澗.
Ngóng trong cây quanh lá khói.

边 塘 梅 我 鐏 尽 鷺 鼷.
Bên đường mai ngả cuối giới cò bay.

岸 東 宜 吼 傀 磯.
Ngàn đong nghi ngủ khói xây.

132 - 昆 鴣 拔 颺 挹 棲 吹 愁.
Con chim bạt gió ấp cây xui sầu.

鼈 扒 隆 挼 高 樓.
Trông chàng lưỡng tựa cao lâu.

衛 賒 湿 倘 船 兜 損 潮.
Vệ xa thấp thoáng thuyền đâu bỏi chèo.

松 楸 尒 榕 調 翼.
Tùng thu mấy gốc đứng hiu.

136 - 垂 西 客 邊 塘 嘹 噤 嘬.
Giới tây khách quạnh đường neo ngậm ngùi.

啟奴 鼈 船 波 边 垂.
No trong góc bể bên giới.

隘 榆 斬 默 別 滿 罢 兜.
Ải du nghìn dặm biệt vời là đâu.

招 巾 指 棍 砰 牟.
Gieo khăn chỉ gậy chuyế mầu.

140 - 圄 塘 坤 律 圄 株 坤 通.
Có đường khôn luật có cầu khôn thông.

嫩 ヌ 渚 ヌ 重 ヌ.
Non non, nước nước. trùng trùng

尼 悉 几 忸 芾 悉 几 賒.
Này lòng kẻ nhớ nào lòng kẻ xa.

fo 5. B. col 1.

向 陽 恙 妾 兼 花.
Hướng dương long thiếp dường hoa.

144 - 恙 扒 踈 矧 易 斜 膊 楊.
Long chăng tho thẩn rẽ tà bóng dường.

膊 斜 濶 淬 梭 鐺.
Bóng tà thẩm thót thoi vàng.

朵 花 女 底 雪 霜 戚 旗.
Doá hoa nỡ để tuyết sương nên gậy.

吝 覲 樋 斗 運 蹉.
Lận trông chuỗi dấu vần xoay;

148 - 溫 銀 痳 炷 膊 運 潪 濃.
Doanh ngân mỡ tỏ bóng mây nhạt nồng.

弦 辭 弦 潪 膞 糸工.
Căng nằm căng nhạt má hồng.

丈 夫 牢 矣 竜 冬 圭 得.
Trượng phu sao hẳn long đong quê người.

欺 牢 形 影 拯 移.
Khi sao hình ảnh chẳng rời;

152 - 欺 牢 阻 矸 隔 潟 惨 傷.
Khi sao trở ngại cách vời thảm thương.

慧 春 海 又 送 香.
Gió xuân hay hãy đưa hương.

緣 牢 杏 紫 兎 鐺 穷 餓.
Duyên sao hạnh tía đào vàng cùng nhau.

Quán Ven Đường mượn từ thư viện Đại Học Yale

	腔	秋	彙	域	印	楼.		
	Giảng	thu	vảng	vực	in	lâu.		
156 -	分	牢	妒	織	扒	牛	吏	囲
	Phận	sao	ả	Chức,	chảng	Ngâu	lại	vẫy.
	房	春	陡	負	隊	暐		
	Phòng	xuân	lưỡng	phụ	đoi	ugay.		
	悯	春	渚	渭	吏	浩	愁	秋
	Giận	xuân	chửa	vợi	lại	đầy	sầu	thu.
fo 6. a col 1.	綿	愁	羔	貝	絲	紆.		
	Mối	sầu	dường	bối	to	vo.		
160 -	鬼	ㄨ	添	悴	分	蒲	切	他.
	Dảm	thêm	thêm	tủi	phận	bồ	thiết	tha.
	職	春	撑	女	底	戈.		
	Tuổi	xuân	xanh	nỡ	để	qua.		
	妈	絲	歲	ㄨ	修	鄙	蜘	洞.
	Gái	to	muốn	muội	sảy	na	ná	dong.
	想	欺	琴	瑟	恤	終.		
	Tưởng	khi	cầm,	sắt	vui	chung.		
164 -	閣	粮	嗪	粉	楼	紅	嘲	香.
	Các	son	cột	phấn,	lâu	hồng	chào	hường.
	為	埃	戚	餒	多	芒.		
	Vì	ai	nên	nỗi	đa	mang.		
	抔	翰	包	那	恤	扒	閉	饒.
	Nghĩ	mình	bao	nả	xót	chảng	bấy	nhiêu.

箕 貼 堆 燕 習 翟.
Khia xem đôi yến dập diu.

168 - 論 務 唏 叱切 霜 超 頭 梁.
Cọn mứa hỏi thết sương giao đầu dương.

箕 貼 堆 丐 鴛 鴦.
Khia xem đôi cái uyên ương

壘 秦 攔 翅 排 行 穷 餓.
Bãi Cần lan cánh bầy hàng cùng nhau.

隊 辰 草 木 別 兜.
Đoi thới thảo mộc biết đâu.

172 - 連 梗 周 柳 連 頭 周 蓮.
Liên cành có liễu liên đầu có sen.

約 牢 如 丕 平 願.
Ước sao như vậy bằng nguyện.

時 圍 翅 怒 吏 連 梗 箕.
Thời vây cánh nọ lại liên cành khia.

f°6 B col 1. 催 又 廕 冷 管 之.
Thôi thới ấm lạnh quản chi.

176 - 世 情 欺 合 欺 離 事 常.
Thế tình khi hợp khi li sự thường.

勉 扎 森 趁 雪 霜.
Miễn chăng sâm sấn tuyết sương.

勉 扎 台二 学 勤 王 院 贇.
Miễn chăng hai chữ cần vương vẹn tròn.

榜 鐫 烃 又 題 籌.
Bảng vàng choi chói đề bon.

180 - 扒 穌 名 價 妾 群 雜 中.
Chàng nèn danh giá thiếp còn trẻ trung.

吩 恻 霖 陣 穌 功.
Nay mừng trâm trận nên công.

傳 銘 隘 北 撩 弓 嫩 兌
Truyền tên ải bắc treo cung non đoài.

凱 歌 唆 吶 軸 外
Khải ca lừng lẫy trong ngoài.

184 - 捷 燈 殿 漢 詩 排 嫩 燕.
Tiệp giăng điện Hán thơ bài non Yên.

同 休 糊 劄 徐 絹.
Đồng hưu sáng chép thẻ quyên.

名 贊 閣 鳳 頭 傳 臺 麟.
Danh thơm các phượng giấu truyền đài lân.

劇 恻 迓 會 風 雲.
Dậy mừng gặp hội phong vân.

188 - 分 榮 妾 拱 特 潤 恩 鄙.
Phận vinh thiếp cũng được nhuần ơn sang.

為 扒 擔 甲 倍 傍.
Vì chàng còi giáp với vàng.

為 扒 練 祝 嘩 鐫 滿 滿.
Vì chàng nén chúc chén vàng với với.

fo 7. a col 2.

為 扒 粧 點 卒 鮮.
Vi chang trang điểm tốt tươi.

192 - 為 扒 扯 捽 撿 唏 風 塵.
Vi chang chải chuốt giữ hời phong trần.

初 鞣 閧 事 慇 懃.
Khỏa sau muôn sự ân cần.

計 唑 前 苦 攄 韻 新 声.
Kể nhời cựu khổ lựa vần tân thanh.

補 欺 扒 買 功 名.
Bổ khi chang mải công danh.

196 - 補 欺 妾 隴 歲 舍 更 輸.
Bổ khi thiếp lường một mình canh thâu.

𠓨 恫 緣 鵬 泊 頭.
Dã mừng duyên sánh bạc đầu.

吏 恫 家 道 箕 裘 衣 冠
Lại mừng gia đạo cơ cựu y quan.

𠓨 恫 連 隊 德 乾.
Dã mừng trên đội đức càn.

200 吏 恫 渚 治 茄 安 萇 又
Lại mừng nước trị nhà yên dòi dòi /.

fo 8. B. col 9.

長恨歌演音

Trường hận ca diễn âm.

AB. 109

fo 9. a. col 1.

奉茄漢重得國色.
Vua nhà Hán trọng người quốc sắc.
御駕數遨泣空埃.
Ngự ngôi lâu giao khắp không ai.
户楊固妸被堆.
Họ Dương có ả vừa đôi.
4- 房蓬軸群謹歜外渚能.
Buồng trong còn kín người ngoài chưa hay.
紲歪鷰補坽坤特
Vóc giời đúc bỏ nay khôn tuyệt.
沒穀朝边帳九龍.
Một mai chầu bên trướng cửu long.
沒得森鉨恤懷.
Một ngày trăm vẻ nào nùng.
8- 欶宮點粉蘇紅劍賒.
Sáu cung điểm phấn tô hồng kém xa.
暟春冷汹華頒浸.
Ngày xuân lạnh ao hoa ban tắm.
渚温泉汇滲紲楊.
Nước ôn tuyền dầy thấm vóc Dương.

flux

猥 隊 域 趨 俍 俍.
Con đoi vực dậy nường nường.

12 - 貝 覃 恩 澤 君 王 辞 劇.
Mỏi đam ân thạch quân vương từ dây.

花 印 粔 頊 鞹 他 切.
Hoa in mặt chân giầy tha thiết.

帳 芙 蓉 廕 牵 朕 春.
Trướng phù dung ấm sôi đêm xuân.

朕 春 脫 免 除 寅.
Đêm xuân thoát đã giờ dần.

16 - 君 王 辭 妬 机 宸 朝 豬.
Quân vương từ đó cõi thần chiều trưa.

席 歡 晏 空 除 希 罕.
Tiệc hoan yến không giờ nào hãn.

春 悄 春 朕 演 曾 朕.
Xuân quên xuân đêm diễn tưng đêm.

後 宮 錄 鰈 女口 拜.
Hậu cung vẻ đẹp như nêm.

20 - 巴 斬 毫 愛 賴 边 命 娘.
Ba ngàn sủng ái riêng bên mình nàng.

樣 金 屋 妙 扛 欺 最.
Dường kim ốc dịu dàng thì tối.

嘆 玉 樓 況 沒 牟 春.
Thén ngọc lâu chìm nỗi mấu xuân.

爵 封 泣 尒 几 親.
Cuốc phong khắp mấy kẻ thân.

24— 鰈 台 輪 粉 剃 燐 鍒 黿.
Đẹp thay son phấn của sân vẽ lồng.

吹 天 下 閔 悉 如 汶.
Xui thiên hạ muôn lòng như một.

濕 生 男 針 出 妈 傕.
Nhạt sinh nam chăm chút gái thôi.

fo 9B. col 1. 遷 青 竪 淮 墾 對.
Mây xanh lớp chốn đền ngôi.

28— 樂 仙 膾 律 隊 尼 暄 澄.
Nhạc tiên gió lọt đòi nơi nghe chăng.

調 揲 喝 撢 凝 絲 竹.
Điệu múa hát dịp ngừng tơ trúc.

輸 歟 曉 法 曲 汹 醝.
Thua người coi pháp khúc vẫn say.

漁 陽 滎 鼕 吏 宜.
Ngư dương nổi trống lại ngay.

32— 用 淶 霓 羽 曲 皃 群 之.
Dụng nơi nghề vũ khúc hay còn gì.

淮 城 闕 退 欺 熳 塔.
Chốn thành khuyết gặp khi khói bụi.

騎 閉 新 移 倍 邇 西.
Cuối muôn nghìn nơi vội sang tây.

翠 花 趁 妬 擬 低.
Thúy hoa đi đó nghỉ đây.
外 慕 埃 隔 塢 阪 駭 則.
Ngoài trăm dặm cách ô nay hãy gần.
軍 極 細 坤 分 啄 特.
Quân chẳng tới thôn phân giục thúc.
料 眉 蝳 轔 翮 鞁 駒.
Liệu mày ngài lăn trước yên câu.
鈿 涞 埃 几 日 侯.
Điền nơi ai kẻ nhật hầu.
翅 鐇 雀 玉 連 頭 廬 跠.
Cánh vàngước ngọc trên đầu lơ thơ.
停 雯 糈 幼 魚 丕 勢.
Đành che mặt lâm ngơ vậy thế.
瞟 吏 暗 血 淚 滌 愁.
Ngành lại trông huyết lệ tuôn sầu.
澔 睏 贍 退 油 油.
Bụi mù gió thổi dâu dâu.
棠 軔 塘 怒 蹦 頭 尚 箕.
Quanh trong đường nọ treo đầu núi kia.
帶 蛾 眉 塌 疎 疝 貓.
Dưới nga mi lối sơ vết cũ.
旗 潶 牟 鷗 塢 頭 嵉.
Cờ nhạt mầu ác ủ đầu ghềnh.

蜀 江 渚 碧 嫩 撐.
Thục-giang nước biếc non xanh.

48 — 歆 歆 劍 劍 絆 情 君 王.
Hôm hôm, sớm sớm bận tình quân vương.

腔 行 在 鼜 弦 慘 切.
Giang hành tại vẻ càng thảm thiết.

鉦 腊 湄 啃 掣 咄? 多?
Chiêng đêm nửa tiếng xiết xót ta.

荃 車 竜 馭 阻 鎏.
Giốc xe long ngự trở ra.

52 — 細 放 預 易 麻 跐 黜.
Tới ban dư? rẽ mà bước ra.

f10a, col 1 軸 塭 坦 鬋 坡 馬? 怒.
Trong bùn đất dưới pha mã nọ.

麵 玉 兜 猪 圄 妬 催.
Mặt ngọc đâu trở có đó thôi.

眼 餓 褥? 凜 珠 淶.
Nhìn nhau ái lắm châu rơi.

56 — 鼈 鴉 默 馭 術 凡 都 城.
Trông ô nước ngựa về nội đô thành.

怒 圃 泛 停 又 景 鎖.
Nọ vườn, ao danh danh cảnh cũ.

箕 芙 蓉 柳 撚 曾 楼.
Kìa phù dung liễu dư tường cây.

花 如 緬 柳 如 眉.
Hoa như mặt liễu như mày.

60- 景 尼 易 禁 淚 尼 特 牢.
Cảnh này nễ cấm lệ này được sao.

朕 春 昕 憲 嘲 花 李.
Đêm xuân húc gió chào hoa lý.

暯 秋 欺 滑 淫 蘿 桐.
Ngày thu lừa mùa gió lá đồng.

鞊 秋 壼 莫 圍 宮.
Cỏ thu man mác viền cung.

64- 榮 墻 蔂 用 埃 吶 紅 拱 之.
Quanh thềm lá dụng ai hồng cứ chi,

猥 喝 鮹 頭 壟 邊 白 壯.
Con hát cũ đầu ly toé trắng.

保 監 初 眉 拯 蟶 青.
Bảo giám xưa nề chẳng ngại xanh.

墬 殷 昌 歌 油 汜 霹 蛍.
Đêm hôm dầu dễ bóng huỳnh.

68- 烟 殘 沟 戢 莊 生 渚 成.
Đèn tàn vắn giấc Trang_Sinh chưa thành.

朕 騰 等 鼕 更 皮 演.
Đêm đằng đẳng thống canh vừa diễn.

尽 眼 瞞 畢 漢 俠 派.
Giới mặt mỏ sao Hán hầu phai.

襜鴛冷汀霜涞.
Gối uyên lạnh leo sương nói.
73 - 幅褵這汽祕埃搭穷.
Bức chăn giá ngất lấy ai đắp cùng.
弋弋余辭洞澒隔.
Rằng nặc nấy năm dòng khơi cách.
欺慲怯魂魄覮兜.
Khi mơ màng hồn, phách thấy đâu.
城都固客毋求.
Thành đô có khách nhiệm cầu.
76 - 能逿魄聖底求魂陰.
Hay đưa phách sống để cầu hồn âm.
為悵錦妝恍寅育.
Vì trướng gấm nhớ thâm giãn giọc.
p10B, col 1. 殷勤差几學徒趁.
Ân cần sai kẻ học trò đi.
騎遷把邋毛奇.
Cưỡi mây rẽ gió mau kỳ.
80 - 連尘帶下坦少之哭尼.
Trên giời dưới đất thiếu gì là nơi.
連碧落帶下滄滔瀦.
Trên biếc lạc dưới vơi suối thẳm.
穷堆尼拱極覮朱.
Cùng đòi nơi cũng chẳng thấy cho.

俸 瞳 固 崗 仙 姑.
Bổng nghe có núi tiên - cô.
84 - 於 連 麵 波 証 廬 凌 澄.
Ở trên mặt bể chứng lo lửng chừng.
壩 弄 另 甌 層 遽 鼯.
Đến lòng lánh nẵm tăng mây về.
鄴 仍 得 鰈 悌 絕 塵.
Lắm những người đẹp đẽ tuyệt trần.
汶 得 粘 嗆 玉 眞
Một người tên gọi Ngọc - Chân.
88 - 麵 花 股 雪 固 分 沛 低.
Mặt hoa gia tuyết có phần phải dây.
細 金 關 座 西 仕 拓.
Tối kim khuyết chái tây sẽ gõ.
摟 玉 箕 保 訴 双 成.
Mười ngọc kia bảo tỏ song thành.
永 瞳 固 使 漢 廷.
Vẳng nghe có sứ Hán đình.
92 - 慲 懞 邊 襘 秩 命 帳 花.
Mơ mòng bên gối giật mình trướng hoa.
倍 趙 捽 襖 羅 每 式.
Vội dậy rửt áo là mọi thức.
仕 寅 銳 拓 幅 簫 珠.
Sẽ giãn giá thác bức rèm châu.

邐 遽 也 幷 厦 頭.
Tóc mây đã nửa mái đầu.

96 - 慕 花 渚 彷 竈 棲 覩 宜 正.
Mũ hoa chùa phảng xuống lầu ra ngay.

淮 仙 抉 灘 希 海 動.
Chốn tiên quyết gió hây hây động.

格 調 尼 群 穌 羽 衣.
Cách điệu này còn giống nữ i.

油 油 滌 溪 湘 妃.
Dầu dầu tuôn giọt Tương-phi.

100 - 湄 春 撩 碾 花 梨 汶 梗.
Mùa xuân trúc nặng hoa lê một cành.

凝 諾 眛 掣 情 辭 謝.
Ngưng mục mắt xiết tình từ tạ.

一 別 耒 堆 我 湨 洸.
Nhất biệt nỗi đôi ngả mênh mang.

愛 恩 撼 淮 昭 陽.
Ái ân giật chốn Chiêu-dương.

104 f°11a. col 1 觸 官 蓬 鼠 翬 常 踐 稽.
Trong cung bồng đảo ngày thường dại ghé.

瞟 頭 吏 暔 術 環 海.
Ngảnh đầu lại trông về hoàn hải.

長 安 兜 汶 解 堵 鼕.
Trang-an đâu một giải bụi bay.

表情出貼黼尼.
Bảu tình chứt của cứ nầy:

108 - 啟圖鈿合釵尼送術.
Gửi đồ điền hộp thoa này tựa về.

釵沒翹合翼沒扇.
Thoa một cánh hộp, kia một phiến.

釵放鐺合鈿放台.
Thoa chia vàng hộp, điền chia hai.

悤堅凭貼渚派.
Long kiền vững của chưa phai.

112 - 人間天上剔救相逢.
Nhân gian, thiên thượng dầy mai tương phùng.

欺臨別掀封書吏.
Khi lâm biệt gửi phong thư lại.

啞誓初排特覕書跕.
Nhời thề xưa bầy giải trước sau.

擫長安最女牛.
Đến Trường-an tới Nữ, Ngưu.

116 - 姅朕永鎒晻饒誓願.
Nửa đêm vắng vẻ trông nhau thề nguyền.

連嗔化鴟連台翹.
Trên xin hoá chim liền hai cánh.

蒂嗔勿椮茗台梗.
Dưới xin làm cây dính hai cành.

油 欺 忝 坦 変 形.
Dù thì giới dất biến hình.

120. 憚 心 弋 弋 沟 情 空 愧!
Giận này nặng nặc vẫn tình không nguôi!

Quán Ven Đường mượn từ thư viện Đại Học Yale

TABLE DE MULTIPLICATION

2 fois 1 font 2	5 fois 1 font 5	8 fois 1 font 8	11 fois 1 font 11
2 — 2 — 4	5 — 2 — 10	8 — 2 — 16	11 — 2 — 22
2 — 3 — 6	5 — 3 — 15	8 — 3 — 24	11 — 3 — 33
2 — 4 — 8	5 — 4 — 20	8 — 4 — 32	11 — 4 — 44
2 — 5 — 10	5 — 5 — 25	8 — 5 — 40	11 — 5 — 55
2 — 6 — 12	5 — 6 — 30	8 — 6 — 48	11 — 6 — 66
2 — 7 — 14	5 — 7 — 35	8 — 7 — 56	11 — 7 — 77
2 — 8 — 16	5 — 8 — 40	8 — 8 — 64	11 — 8 — 88
2 — 9 — 18	5 — 9 — 45	8 — 9 — 72	11 — 9 — 99
2 — 10 — 20	5 — 10 — 50	8 — 10 — 80	11 — 10 — 110
2 — 11 — 22	5 — 11 — 55	8 — 11 — 88	11 — 11 — 121
2 — 12 — 24	5 — 12 — 60	8 — 12 — 96	11 — 12 — 132

3 fois 1 font 3	6 fois 1 font 6	9 fois 1 font 9	12 fois 1 font 12
3 — 2 — 6	6 — 2 — 12	9 — 2 — 18	12 — 2 — 24
3 — 3 — 9	6 — 3 — 18	9 — 3 — 27	12 — 3 — 36
3 — 4 — 12	6 — 4 — 24	9 — 4 — 36	12 — 4 — 48
3 — 5 — 15	6 — 5 — 30	9 — 5 — 45	12 — 5 — 60
3 — 6 — 18	6 — 6 — 36	9 — 6 — 54	12 — 6 — 72
3 — 7 — 21	6 — 7 — 42	9 — 7 — 63	12 — 7 — 84
3 — 8 — 24	6 — 8 — 48	9 — 8 — 72	12 — 8 — 96
3 — 9 — 27	6 — 9 — 54	9 — 9 — 81	12 — 9 — 108
3 — 10 — 30	6 — 10 — 60	9 — 10 — 90	12 — 10 — 120
3 — 11 — 33	6 — 11 — 66	9 — 11 — 99	12 — 11 — 132
3 — 12 — 36	6 — 12 — 72	9 — 12 — 108	12 — 12 — 144

4 fois 1 font 4	7 fois 1 font 7	10 fois 1 font 10
4 — 2 — 8	7 — 2 — 14	10 — 2 — 20
4 — 3 — 12	7 — 3 — 21	10 — 3 — 30
4 — 4 — 16	7 — 4 — 28	10 — 4 — 40
4 — 5 — 20	7 — 5 — 35	10 — 5 — 50
4 — 6 — 24	7 — 6 — 42	10 — 6 — 60
4 — 7 — 28	7 — 7 — 49	10 — 7 — 70
4 — 8 — 32	7 — 8 — 56	10 — 8 — 80
4 — 9 — 36	7 — 9 — 63	10 — 9 — 90
4 — 10 — 40	7 — 10 — 70	10 — 10 — 100
4 — 11 — 44	7 — 11 — 77	10 — 11 — 110
4 — 12 — 48	7 — 12 — 84	10 — 12 — 120

DIVISION DU TEMPS

Siècle : 100 ans.
Année : 365 jours.
Jour : 24 heures.
Heure : 60 minutes.
Minute : 60 secondes
Seconde : 60 tierces

SIGNES ABRÉVIATIFS EMPLOYÉS EN ARITHMÉTIQUE

Plus + Moins — Multiplié par × Divisé par : Égale = Comme :

CHIFFRES ROMAINS

I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	L	C	M
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	50	100	1000